

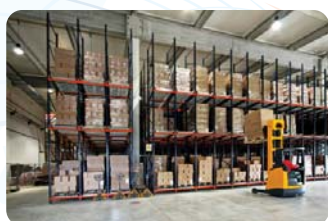


SOTRANS

We make it simple !

CÔNG TY CP KHO VẬN MIỀN NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010



*Dịch vụ kho
Warehousing*



*Kinh doanh xăng dầu
Petroleum trading*



*Vận tải quốc tế
International freight forwarder*



*Cảng thông quan nội địa
Inland clearance depot (ICD)*



**Dịch vụ hoàn hảo cho các chuyến hàng quốc tế
có thể tìm thấy ở đâu?**



SOTRANS | Logistics

Địa chỉ: 1B Hoàng Diệu, Quận 4, TP HCM, Việt Nam.
ĐT: (84.8) 3940 0447 - Fax: (84.8) 3940 0122
Email: support@sotrans.com.vn
Website: www.sotrans.com.vn

SOTRANS | Hanoi

Địa chỉ: 142 Đội Cấn, Quận Ba Đình, Hà Nội.
ĐT: (84.8) 3732 1118 - Fax: (84.8) 3732 1119
Email: info@sotranshanoi.com.vn
Website: www.sotrans.com.vn



SOTRANS
We make it simple!

MỤC LỤC

Phần 1: Lịch sử hoạt động của Công ty

Phần 2: Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị

Phần 3: Báo cáo của Ban Giám Đốc

Phần 4: Báo cáo tài chính

Phần 5: Bản giải trình Báo cáo tài chính
và Báo cáo kiểm toán

Phần 6: Các công ty liên quan

Phần 7: Tổ chức và nhân sự

Phần 8: Thông tin cổ đông và Quản trị công ty



**Địa chỉ tin cậy về vận chuyển hàng không
có thể được tìm thấy ở đâu ?**



SOTRANS | Focus

Địa chỉ: Tầng 4, Lotus building, 16 Cửu Long,
Quận Tân Bình, TP. HCM, Việt Nam
ĐT: (84.8) 3547 0853 - Fax: (84.8) 3547 0852
Email: focus@sotrans.com.vn

SOTRANS | Logistics

Địa chỉ: 18 Hoàng Diệu, Quận 4,
TP. HCM, Việt Nam
ĐT: (84.8) 3826 7256 - Fax: (84.8) 3826 7260
Email: support@sotrans.com.vn

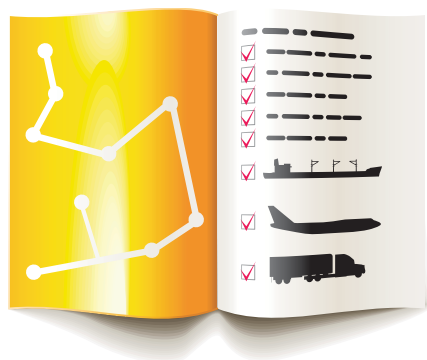
SOTRANS | Hanoi

Địa chỉ: Tầng 4, 142 phố Đội Cấn,
Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (84.4) 3732 1118 - Fax: (84.4) 3732 1119
Email: info@sotranshanoi.com.vn
Website: www.sotrans.com.vn



SOTRANS

We make it simple !



PHẦN I

Lịch sử hoạt động của Công ty

1.1. NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG:

1.1.1. Giới thiệu về Công ty:



Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam
Tên Tiếng Anh: South Logistics Joint Stock Company
Tên viết tắt: Sotrans
Trụ sở chính: 1B Hoàng Diệu, Quận 4, TP. HCM
Điện thoại: (84.8) 3825 3009 Fax: (84.8) 3826 6593
Email: info@sotrans.com.vn
Website: www.sotrans.com.vn

CÔNG TY CP KHO VẬN MIỀN NAM – SOTRANS được thành lập từ năm 1975 với hệ thống kho và vận chuyển chủ lực của ngành thương mại, đến năm 2007 SOTRANS chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước sang Công ty cổ phần và đã hoạt động mạnh trong các lĩnh vực dịch vụ kho, kinh doanh xăng dầu, giao nhận vận tải quốc tế.

SOTRANS hiện đang là một trong những công ty hàng đầu trong ngành giao nhận vận tải quốc tế, giao nhận hàng hóa XNK và dịch vụ kho tại Việt Nam. Trong năm 2010 Công ty tiếp tục phát triển hoạt động Cảng thông quan nội địa với tổng vốn đầu tư hơn 50 tỉ đồng nhằm hoàn thiện chuỗi dịch vụ logistics vốn đã được khẳng định qua uy tín thương hiệu Sotrans trên thị trường. Trong tương lai Công ty sẽ tiếp tục phát triển đa ngành với các hoạt động kinh doanh xăng dầu, đầu tư cảng, trung tâm phân phối, hậu cần, tiếp vận, trung tâm thương mại, khách sạn, văn phòng phức hợp (theo qui hoạch của thành phố và các tỉnh).

SOTRANS hiện có 7 đơn vị thành viên hoạt động trong các lĩnh vực giao nhận vận tải quốc tế, dịch vụ kho, kinh doanh xăng dầu. Công ty có hệ thống đại lý tại hơn 70 quốc gia trên thế giới, trong đó tập trung vào các thị trường lớn như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, EU... Với hệ thống đại lý mạnh ở các cảng lớn trên thế giới, có quan hệ mật thiết với các hãng tàu uy tín, các dịch vụ của công ty luôn đảm bảo đúng lịch trình với giá cước phù hợp, đáp ứng yêu cầu riêng của từng khách hàng.

Kinh doanh kho hiện là thế mạnh của Sotrans với hệ thống kho ngoại quan và kho chứa hàng đa chức năng với hơn 35 năm kinh nghiệm. Hệ thống kho của SOTRANS hiện có hơn 230.000 m², nằm tại trung tâm TP. HCM, các khu vực lân cận và các khu công nghiệp tiếp giáp với sông Sài Gòn thuận tiện cho việc vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ lẫn đường sông.

SOTRANS được Hải quan TP. HCM công nhận là đại lý hải quan mẫu đầu tiên tại Việt Nam. Việc công nhận này cùng với chứng nhận đại lý hải quan điện tử do Hải quan TP. HCM cấp trước đó, SOTRANS có thể thay mặt chủ hàng ký tên, đóng dấu trên tờ khai hải quan, giải quyết các vấn đề



phát sinh, giúp tiết kiệm thời gian và chi phí thông quan hàng hóa cho khách hàng. Điều đó khẳng định tính chuyên nghiệp và trách nhiệm của SOTRANS trong dịch vụ khai báo hải quan.

Các dịch vụ của SOTRANS được bảo hiểm trách nhiệm toàn phần, góp phần hạn chế rủi ro cho khách hàng khi sự cố xảy ra. Thông tin về hàng hóa thường xuyên được cập nhật, với những khách hàng lớn, công ty cử cán bộ thường xuyên có mặt tại văn phòng của khách để giải quyết ngay nhu cầu mới phát sinh, được khách hàng tin cậy và đánh giá cao. SOTRANS đã được các tập đoàn đa quốc gia như Scavi, Cargil, Holcim, Uni President, PepsiCo, Samsung, P&G ... lựa chọn là nhà cung ứng dịch vụ giao nhận tại thị trường Việt Nam.

1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển:

- 1975 SOTRANS được thành lập.
- 1990 Thành lập XN Dịch Vụ Kho Vận Giao Nhận (SOTRANS F&W).
- 1992 Thành lập XN Đại Lý Giao Nhận Vận Tải Quốc Tế (SOTRANS Logistics).
- 1993 Thành lập Văn phòng đại diện Công ty Kho Vận Miền Nam tại Đồng Nai.
- 1995 SOTRANS là thành viên Phòng Thương Mại Và Công Nghiệp Việt Nam (VCCI).
- 1996 SOTRANS là thành viên Hiệp hội Giao Nhận Kho Vận Việt Nam (VIFFAS).
- 1997 SOTRANS là thành viên Hiệp hội Vận tải Giao nhận Quốc tế (FIATA).
- 1999 Thành lập Chi nhánh Công ty Kho Vận Miền Nam tại Hà Nội.
- 2000 Thành lập Chi nhánh Công ty Kho Vận Miền Nam tại Cần Thơ.
- 2001 Đạt chứng nhận ISO 9001: 2000 trong lĩnh vực dịch vụ logistics do tổ chức DNV cấp.
- 2002 Thành lập Văn phòng đại diện Công ty Kho Vận Miền Nam tại Bình Dương.
- 2003 SOTRANS nhận Huân Chương Lao Động hạng ba.
- 2005 SOTRANS nhận Huân Chương Lao Động hạng nhì.
SOTRANS là thành viên Hiệp Hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA).
- 2007 SOTRANS chuyển đổi thành Công ty Cổ phần.
- 2009 SOTRANS đoạt giải thưởng Sao Vàng Đất Việt 2009.
- 2010 Thành lập XN Giao nhận Vận tải Quốc tế Tiêu điểm (SOTRANS Focus).
Thành lập Cảng Kho Vận (SOTRANS ICD).
Thành lập XN Vật tư Xăng dầu (SOTRANS Petrol).
SOTRANS nhận Huân Chương Lao Động hạng nhất.

1.1.3. Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần:

Sotrans chính thức chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần từ năm 2007.

1.1.4. Niêm yết:

Sotrans niêm yết chính thức cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, ngày giao dịch đầu tiên: 02/03/2010.



- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam.
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mã cổ phiếu: STG.
- Mệnh giá: 10.000 (mười ngàn) đồng/cổ phần.
- Tổng số lượng niêm yết: 8.351.857 cổ phần.
- Tổng giá trị niêm yết: 83.518.570.000 đồng (tính theo mệnh giá).

1.2. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN:

1.2.1. Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, cho thuê văn phòng làm việc;
- Xếp dỡ, giao nhận hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức.
- Đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ thủ tục hải quan;
- Kinh doanh kho ngoại quan, CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (Cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center).
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm dầu nhờn; kinh doanh bán buôn, bán lẻ xăng dầu, dầu nhớt các loại.
- Kinh doanh vật tư thiết bị vận tải, kho, bốc xếp và giao nhận.

1.2.2. Tình hình hoạt động:

Hiện nay, Công ty có một số hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Dịch vụ kho.
- Giao nhận vận tải quốc tế.
- Kinh doanh xăng dầu.
- Cảng thông quan nội địa.
- **Dịch vụ kho:**
 - Với hệ thống kho có diện tích lớn tại các khu vực quận 4, 7, 9, Bình Chánh, Thủ Đức và các tỉnh lân cận như Bình Dương, Long An...
 - o Quận 4: Kho Bến Súc 5.000 m².
 - o Quận 7: Kho Viconship 4.400 m².
 - o Quận 9: Kho Phước Long 15.000 m².
 - o Thủ Đức: Kho, bãi cảng Thủ Đức 10.000 m².
 - o Kho, bãi Cảng ICD Phước Long: 75.000 m².
 - o Kho ngoại quan: 1.000 m².



- Các kho hợp tác kinh doanh tại TP. HCM, Bình Dương, Long An: khoảng 70.000 m².
- Cảng kho vận tại Thủ Đức cầu cảng dài trên 400 m.
- Hệ thống kho bãi nằm gần trung tâm TP. HCM, các khu công nghiệp, khu chế xuất, điểm giao nối giữa các tuyến đường quan trọng: đại lộ Đông Tây nối liền tới khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, đại lộ xuyên Á nối liền với các quốc gia Đông Nam Á.
- Nằm tiếp giáp với một nhánh sông Sài Gòn, rất thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa, nguyên vật liệu bằng đường sông.
- Tọa lạc gần trung tâm công nghiệp thương mại TP. HCM – Bình Dương – Đồng Nai. SOTRANS đã kết hợp giữa lợi thế vị trí thuận lợi cùng kinh nghiệm tích lũy trong nhiều năm qua nhằm mang đến cho khách hàng sự hài lòng cao nhất và xây dựng SOTRANS trở thành một nhà cung ứng dịch vụ chuỗi cung ứng logistics hàng đầu.



• **Dịch vụ giao nhận vận tải quốc tế:**

- SOTRANS có hệ thống đại lý quốc tế tại nhiều nước trên thế giới. Hiện nay hệ thống đại lý của SOTRANS có mặt trên 70 quốc gia và vùng lãnh thổ.
- Asia + Australia: Australia, Bangladesh, Brunei, Cambodia, China, India, Indonesia, Japan, Korea, Malaysia, Myanmar, New Zealand, Pakistan, Singapore, Sri Lanka, Philippines, Thailand, Taiwan, Russia.
- Euro & Mediterranean: Belgium, Czech Republic, Denmark, Egypt, Finland, France, Germany, Greece, Hungary, Israel, Italy, Libya, Maldives, Malta, Netherlands, Poland, Romania, Slovakia, Spain, Turkey, Ukraine, United Kingdom.
- America, Africa & Middle East: Algeria, Angola, Arab Saudi, Argentina, Bahrain, Benin, Brazil, Canada, Cameroon, Chile, Colombia, Costa Rica, Ecuador, El Salvador, Ghana, Israel, Jordan, Kenya, Kuwait, Lebanon, Liberia, Madagascar, Morocco, Mexico, Mozambique, Nicaragua, Nigeria, Oman, Panama, Peru, Qatar, Senegal, South Africa, Sudan, Syria, Tanzania, Togo, Trinidad & Tobago, UAE, Uruguay, USA, Venezuela, Yemen.



- Kết hợp một cách hợp lý giữa nhiều phương thức vận tải với nhau giúp khách hàng tiết kiệm được rất nhiều chi phí mà vẫn bảo đảm được thời gian giao hàng đúng hẹn.
- Sotrans có tất cả các dịch vụ để có thể cung cấp đến khách hàng trọn gói về chuỗi cung ứng dịch vụ logistics.
- Đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp và có kinh nghiệm hơn 20 năm trong lĩnh vực đại lý giao nhận vận tải quốc tế.
- SOTRANS là đại lý hải quan mẫu đầu tiên của Việt Nam, SOTRANS có thể đại diện khách hàng ký và đóng dấu vào tờ khai hải quan, giúp khách hàng tiết kiệm được thời gian, chi phí đồng thời khẳng định trách nhiệm của SOTRANS trước khách hàng.



- **Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu:**

- Sotrans cung cấp chuỗi dịch vụ logistics từ khâu nhận hàng, tổ chức đóng gói, lưu kho, thuê phương tiện vận tải, thủ tục hải quan... và giao hàng đến điểm cuối (thường là kho, nhà máy hoặc công trường) theo chỉ định của chủ hàng, được khách hàng lựa chọn.

- **Dịch vụ cảng thông quan nội địa (ICD):**

- Cảng ICD Sotrans chính thức đi vào hoạt động vào năm 2010. Vị trí cảng thuận lợi, dây chuyền công nghệ cao, dịch vụ trọn gói đảm bảo đáp ứng hoàn chỉnh nhu cầu vận chuyển cho các Chủ tàu, các Cảng, các công ty xuất nhập khẩu, các công ty Thương mại và dịch vụ...

- o Tổng số tiền đầu tư trong năm 2010: 50 tỷ đồng.
- o Diện tích: 9,4 ha (94.000 m²).
- o Thời gian triển khai: 04/2010.
- o Địa điểm: Km 09 Xa Lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Thủ Đức, TP. HCM.

- Các dịch vụ tại Sotrans ICD:

- o Điểm thông quan nội địa.



- Nâng, hạ container.
- Đóng rút hàng tại bãi.
- Bãi chứa container có hàng, rỗng và lạnh.
- Dịch vụ xếp dỡ container.
- Vận chuyển hàng công trình, siêu trường, siêu trọng.
- Lắp đặt thiết bị.
- Thủ tục hải quan.
- Kho đóng hàng lẻ.
- Kho ngoại quan.
- Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu.
- Làm bao bì, đóng gói chân không và kẻ ký mã hiệu hàng hóa.
- Sửa chữa và vệ sinh container.
- Vận chuyển hàng nội địa.
- Hoạt động liên tục 24 giờ/ 7ngày.

• **Kinh doanh xăng dầu:**

- Công ty là đại lý phân phối xăng và dầu DO cho Saigon Petro và Công ty CP Thương Mại & Dịch vụ Cần Giờ. Ngành kinh doanh xăng dầu của Sotrans có lợi thế về chất lượng ổn định, giá thành cạnh tranh và dịch vụ tốt.

1.3. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN:

1.3.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

• **Mục tiêu tăng trưởng:**

- Tăng trưởng từ 10-15% hàng năm trong điều kiện tình hình kinh tế ổn định. Khi có biến động mạnh tác động đến ngành nghề kinh doanh như những năm vừa qua, Sotrans phấn đấu ổn định doanh thu bán hàng qua các năm.

• **Mục tiêu lợi nhuận:**

- Tăng trưởng lợi nhuận 5-10% mỗi năm.
- Đảm bảo cổ tức cho cổ đông: 18% mỗi năm.

• **Mục tiêu thương hiệu:**

- Thương hiệu Sotrans là một trong những thương hiệu hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực logistics.

• **Mục tiêu xã hội:**

- Tạo môi trường làm việc văn minh, chuyên nghiệp. Đảm bảo thu nhập cho người lao động.
- Tham gia bảo vệ môi trường, công tác xã hội phù hợp với hoạt động của công ty.



1.3.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- **Mục tiêu sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2009 – 2011:**

Bảng 1: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2009 – 2011

Chỉ tiêu	2009		2010		2011	
	Triệu đồng	% (+/-) so với 2008	Triệu đồng	% (+/-) so với 2009	Triệu đồng	% (+/-) so với 2010
Vốn điều lệ	83.520	32.520	83.520	-	83.520	-
Doanh thu thuần	500.000	(131.327)	540.000	40.000	600.000	60.000
Lợi nhuận sau thuế	21.000 ^(*)	(2.010)	23.000 (*)	2.000	24.000	1.000
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4,2%	(0,55)%	3,7%	0,1%	4%	0,23%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	25,14%	(19,97)%	23,95%	(1,19)%	28,7%	4,75%
Cổ tức/Vốn điều lệ	18%		18%		18%	

(*): Năm 2009 và 2010, Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp. Kể từ năm 2011 trở đi, Công ty trả mức thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

- **Mục tiêu sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2009 – 2011:**

- **Đầu tư thiết bị cảng thông quan nội địa (Sotrans ICD)**

- Giai đoạn I (2010-2012) thay thế cho khách hàng thuê trực tiếp khai thác như hiện nay:

- Diện tích bãi cảng và kho: khoảng hơn 75.000 m², cầu cảng dài hơn 310 m: 2 hạng mục này đã được đầu tư.
- Trang thiết bị: Cầu cố định; xe nâng hạ container; xe vận tải trên 20 tấn và các thiết bị khác: ước khoảng 51,7 tỷ đồng.
- Xây dựng, trang bị văn phòng Hải Quan; văn phòng ICD và địa điểm phụ trợ khác: ước khoảng 3,3 tỷ đồng.
- Chi phí dự phòng: khoảng 500 triệu đồng.

Tổng giá trị đầu tư khoảng 55,5 tỷ đồng không tính hạ tầng kho, bãi cảng đã đầu tư.

Hiệu quả đầu tư:

- Bình quân doanh thu thuần hàng năm: 60 → 80 tỷ đồng.
- Bình quân lợi nhuận sau thuế: 11 → 27 tỷ đồng.
- Bình quân lợi nhuận trên doanh thu: 18 → 34 %.
- Lợi nhuận / Tổng mức đầu tư (ROI): 84 → 260 %.
- Lợi nhuận/ Tổng tài sản đầu tư 91 → 279 %.



Chênh lệch tự quản lý điều hành/ Cho thuê ICD:

- Doanh thu tăng khoảng 40 - 60 tỷ đồng.
- Lợi nhuận tăng khoảng 5 - 21 tỷ đồng.
- Giai đoạn II (2013 – 2015): Đầu tư mở rộng ICD Sotrans:
 - Diện tích bãi cảng và kho: khoảng 93.000 m² (tăng thêm 18.000 m²)
 - Cầu cảng dài 410 mét.
 - Trang thiết bị: bổ sung tăng tương ứng.
 - Hiệu quả đầu tư tăng tương ứng mức đầu tư bổ sung.
- **Lập dự án đầu tư: Trung tâm tiếp vận thuộc tỉnh Đồng Nai khoảng 40 ha đất.**
 - Năm 2011: tiến hành lập hồ sơ xin thỏa thuận địa điểm đầu tư dự án.
- **Đầu tư xây dựng trung tâm Thương mại, khách sạn, văn phòng (theo quy hoạch của TP.HCM).**
 - Khu đất dự kiến đầu tư: tại số 1B Hoàng Diệu, P. 13, Q. 4, TP. HCM và số 117A Nguyễn Tất Thành, P. 13, Q. 4, TP. HCM.
 - Địa điểm: bờ sông Sài Gòn và mặt tiền đường Nguyễn Tất Thành.
 - Diện tích đất: hơn 13.000 m².
 - Tiến độ dự án: đang chờ quy hoạch của Ủy Ban Nhân dân TP. HCM.





**Cảng thông quan nội địa nào
có vị trí vượt trội tại TP. HCM ?**

SOTRANS | ICD

Địa chỉ: Km 09 Xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam

ĐT: (84.8) 3731 0033 - Fax: (84.8) 3728 3324

Email: icd@sotrans.com.vn - Website: www.sotrans.com.vn



SOTRANS

We make it simple!



PHẦN II

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM

Thực hiện Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 và Điều 25 Chương VIII Điều lệ Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường thông qua ngày 21/10/2009; Nghị quyết số 208/2010/NQ-ĐHCD ngày 10/04/2010 của đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010, Hội đồng quản trị báo cáo hoạt động năm 2010 cụ thể như sau:

1. Đặc điểm tình hình:

- Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên, trong đó 3 thành viên được bầu tại Đại hội đồng cổ đông thành lập, tổ chức ngày 18/12/2006 trực tiếp làm cán bộ điều hành công ty và 2 thành viên độc lập được bầu bổ sung theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 ngày 10/4/2010.
- Năm 2010 có nhiều biến động do tác động bởi khủng hoảng tài chính quốc tế và suy giảm kinh tế trong nước phục hồi chậm, tổ chức hoạt động SXKD, tài chính của công ty cũng gặp khó khăn do một số ngành nghề sản xuất kinh doanh kém hiệu quả nên phải tổ chức lại một số đơn vị trực thuộc, song với sự nhất trí cao của các thành viên HĐQT đã có các Nghị quyết, định hướng phù hợp, năm 2010 công ty đã đạt được kết quả SXKD khá cao và hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên giao.

2. Kết quả thực hiện quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:

a) Công tác xây dựng và giám sát thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh:

- Trình Đại hội đồng cổ đông chiến lược đầu tư phát triển kinh doanh trung hạn và hàng năm, tập trung phát triển lĩnh vực, ngành nghề có thế mạnh, lợi thế cạnh tranh cao và khả năng sinh lời tốt, đồng thời quyết định giao kế hoạch SXKD hàng năm để Tổng giám đốc điều hành doanh nghiệp. Kết quả đã đạt được một số chỉ tiêu kinh doanh cơ bản sau:
 - Tổng doanh thu: 647,7 tỷ đạt 132,5% kế hoạch và bằng 131% năm 2009;
 - Lợi nhuận trước thuế: 41,475 tỷ đạt 115,2% kế hoạch và bằng 138,3% năm 2009; Lãi cơ bản trên cổ phiếu: 4.100 đồng, cao hơn năm 2009 mặc dù trong năm 2010 vốn điều lệ tăng từ 72 tỷ lên 83,5 tỷ đồng.
- Giám sát thực hiện chấm dứt hoạt động của 3 đơn vị sản xuất kinh doanh kém hiệu quả: Trạm xăng dầu Ngũ Phúc-Đồng Nai; Chi nhánh công ty tại Cần Thơ; Giải thể xưởng sản xuất dầu nhớt Solube. Đồng thời tổ chức thành lập mới 2 đơn vị là Cảng Kho Vận (Sotrans ICD) và xí nghiệp giao nhận VTQT Tiêu điểm; Tổ chức lại xí nghiệp hóa dầu Solube thành xí nghiệp vật tư xăng dầu. Tất cả đều đúng pháp luật, đúng tiến độ và bảo đảm lợi ích công ty cũng như quyền lợi của người lao động.



- Hoàn tất phương án niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM. Ngày giao dịch đầu tiên khá thành công, có mức tăng trần lên 24.000 đồng/cổ phiếu. Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết là 83.518 triệu đồng.
- Quyết định đầu tư thiết bị khai thác cảng thông quan nội địa (Sotrans ICD) giai đoạn 2010 với mức đầu tư là 26 tỷ đồng trong tổng kế hoạch đầu tư là 50 tỷ đồng của giai đoạn I. Tỷ lệ đầu tư đạt thấp do hiệu quả khai thác cảng chưa cao nên phải điều chỉnh thận trọng hơn về tiến độ.

b) Công tác tài chính:

- Phê duyệt kế hoạch vốn năm 2010 đồng thời giám sát sử dụng vốn tiết kiệm, hiệu quả. Mặc dù hạn mức tín dụng được Vietcombank đồng ý cấp 70 tỷ nhưng Công ty không phải vay vốn kinh doanh tại ngân hàng.
- Phê duyệt báo cáo kiểm toán 6 tháng và năm 2010 đúng pháp luật và chuẩn mực kế toán.
- Đề xuất trả cổ tức năm 2010 là 18%/năm trong đó đã tạm ứng 15% bằng tiền mặt, trình phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ công ty đồng thời giám sát thực hiện đúng pháp luật, quy chế của công ty.

3. Công tác tổ chức và cán bộ:

- HĐQT đã tổ chức họp 4 phiên thường kỳ, 1 phiên bất thường và 2 lần lấy phiếu biểu quyết bằng hình thức gửi văn bản để trực tiếp thảo luận, quyết định các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết tại các kỳ đại hội. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, phê duyệt tờ trình của Tổng giám đốc và nghe Tổng giám đốc báo cáo, giải trình kết quả SXKD của công ty.
- Quyết định tổ chức lại xí nghiệp hóa dầu Solube, cụ thể là: Chấm dứt hoạt động xưởng sản xuất dầu nhớt Solube, duy trì kinh doanh xăng dầu và các ngành hàng khác có hiệu quả đồng thời thành lập 2 đơn vị trực thuộc công ty. Trong đó Sotrans ICD là đơn vị mới, Sotrans Focus được nâng cấp từ Phòng đại lý hàng không.
- Ủy quyền Tổng giám đốc tiến hành đăng ký hoạt động và bổ nhiệm cán bộ 2 đơn vị mới thành lập nêu trên.

4. Thực hiện trách nhiệm với cổ đông:

- Chỉ đạo công bố thông tin đúng quy định của công ty niêm yết đến cổ đông, tổ chức, cá nhân đầu tư.
- Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền trong các kỳ đại hội, bảo đảm các quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông.
- Chỉ đạo, giám sát, điều hành của Tổng giám đốc, bảo đảm thực hiện đúng pháp luật, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của HĐQT.
- Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo đúng luật và điều lệ công ty.



5. Kết luận:

- Năm 2010, mặc dù hoạt động SXKD vẫn gặp nhiều khó khăn do suy thoái kinh tế thế giới đang phục hồi chậm, thiên tai lũ lụt làm thiệt hại nhiều vùng miền trong cả nước, chỉ số CPI cao, song HĐQT đã kịp thời định hướng phù hợp, tập trung chỉ đạo điều hành để ổn định các lĩnh vực SXKD chủ lực như kho vận giao nhận, giải thể, chấm dứt hoạt động một số đơn vị kém hiệu quả, sắp xếp lao động hợp lý và sử dụng vốn kinh doanh có hiệu quả. Các giải pháp trên đã đem lại lợi nhuận cao hơn kế hoạch và năm trước...
- Kết quả báo cáo tài chính cuối năm đã được kiểm toán. Lợi nhuận trước thuế tăng 5.475 triệu đồng so với năm 2009 đạt 115,2% so với kế hoạch.
- Thay đổi lớn về chiến lược kinh doanh: Trực tiếp tổ chức khai thác ICD thay hình thức cho thuê để đơn vị khác đứng tên khai thác. Tuy nhiên do những khó khăn không dự báo được năm đầu nên kết quả kinh doanh bị lỗ hơn 1 tỷ đồng, đồng thời mở rộng hình thức quản lý kho hàng (thuê nhà xưởng của đơn vị khác để tổ chức kinh doanh kho), đây là hình thức kinh doanh không phải đầu tư, ít rủi ro và có lãi ổn định.
- Triển vọng phát triển lĩnh vực kho vận giao nhận và các dịch vụ logistics có nhiều cơ hội phát triển bền vững và mang lại hiệu quả kinh doanh cho công ty, giá trị doanh nghiệp và lợi ích cổ đông được tăng trưởng.

Chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp của Quý vị cổ đông, đặc biệt chỉ ra những hạn chế, yếu kém trong công tác quản lý công ty và giám sát Ban điều hành. Ý kiến của quý vị là sự hợp tác không thể thiếu để giúp Hội đồng quản trị hoạt động tốt hơn trong năm 2011.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



HOÀNG QUYẾN





PHẦN III

Báo cáo của Ban Giám Đốc

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH 2010**

&

**MỤC TIÊU, KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2011
CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM**

1. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY:

- Tên doanh nghiệp : Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam
- Tên tiếng Anh : South Logistics Joint Stock Company
- Tên viết tắt : SOTRANS
- Trụ sở chính : 1B Hoàng Diệu, Quận 4, TP.Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84.8) 3825 3009 - Fax: (84.8) 3826 6593
- Email : info@sotrans.com.vn
- Website : www.sotrans.com.vn

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, cho thuê văn phòng làm việc;
- Dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức;
- Đại lý tàu biển. Môi giới hàng hải;
- Xếp dỡ giao nhận hàng hóa;
- Dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan;
- Kinh doanh kho ngoại quan, CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center);
- Đại lý kinh doanh xăng dầu. Mua bán dầu nhớt, hóa chất. Sản xuất gia công các sản phẩm dầu nhớt;
- Kinh doanh vật tư thiết bị vận tải, kho, bốc xếp và giao nhận.

2. HOẠT ĐỘNG SXKD VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2010:

2.1. Môi trường kinh doanh:

• Cơ hội:

- Nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi. GDP năm 2010 tăng 6,78% so với 2009.
- Kim ngạch xuất khẩu tăng 25.5%. Kim ngạch nhập khẩu tăng 20.1%.
- Tổng khối lượng hàng hóa vận chuyển năm 2010 đạt 714,8 triệu tấn, tăng 12,4% (Theo Tổng cục thống kê).



- Môi trường kinh tế vĩ mô ổn định.
- Mục tiêu SXKD của Công ty được tập trung vào lĩnh vực, ngành nghề, kinh doanh đang có thế mạnh, uy tín và sức cạnh tranh cao đồng thời quyết định giảm một số ngành nghề, đơn vị SXKD kém hiệu quả.
- Ổn định và chủ động sắp xếp lại đội ngũ cán bộ điều hành từ công ty đến các đơn vị trực thuộc đồng thời tiếp tục bổ sung, đào tạo nguồn nhân lực nhằm nâng cao kỹ năng làm việc chuyên nghiệp hơn.

• **Thách thức:**

- Thực hiện cam kết WTO về hội nhập, hầu hết các doanh nghiệp logistics nước ngoài đã có mặt tại Việt Nam dưới nhiều hình thức khác nhau.
- Cạnh tranh với các doanh nghiệp trong và ngoài nước tăng do số lượng cũng như chất lượng dịch vụ của các doanh nghiệp tăng.
- Chi phí vận chuyển tăng cao.
- Công ty đã giải thể và sắp xếp lại tổ chức 3 đơn vị trực thuộc, giải quyết mất việc làm cho một số lao động cũng tác động đến tâm tư của lực lượng lao động công ty.

2.2. Tình hình hoạt động SXKD:

• **Tổ chức và quản lý nghiệp vụ hành chính:**

- Tổ chức bộ máy công ty năm 2010 có 7 đơn vị trực tiếp SXKD, 3 phòng quản lý nghiệp vụ và 1 công ty liên doanh với nước ngoài (tỷ lệ vốn góp 35% tương đương 105.000 USD).
- Nguồn nhân lực: Lao động đầu kỳ 346 người, tăng trong năm 121 người và giảm trong năm 78 người, lao động cuối kỳ còn 389 người. Xét bổ nhiệm 3 giám đốc, phó giám đốc và 18 trưởng - phó phòng các đơn vị trực thuộc công ty. Đảm bảo quyền lợi của người lao động như BHXH, BHYT, BHTN và các phúc lợi xã hội khác cao hơn chế độ quy định của Nhà Nước.
- Tổ chức đào tạo bồi dưỡng nghề cho 164 lượt lao động, tổ chức hội nghị Sales - Marketing cho toàn thể lực lượng Sales- Marketing, hội nghị kế toán toàn công ty để trao đổi nâng cao kỹ năng làm việc thực tế cho người lao động.
- Công tác Marketing: Lập kế hoạch và triển khai tốt chiến lược Marketing trên cơ sở 35 năm hình thành và phát triển công ty. Tạo dựng được hình ảnh thương hiệu Sotrans trên thị trường mang tính chuyên nghiệp và nâng cao uy tín.
- Kế toán tài chính: Thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật về thuế và các chuẩn mực kế toán, tổ chức kê khai, hạch toán đúng chế độ, theo dõi quản lý, sử dụng vốn và tài sản hợp lý, hiệu quả để đáp ứng yêu cầu SXKD. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và nộp ngân sách đúng quy định.



- **Thị trường sản phẩm:**

- Dịch vụ Logistics: Lĩnh vực kinh doanh kho vận giao nhận, doanh thu đạt 478,5 tỷ đồng, chiếm 73,8% tổng doanh thu, lợi nhuận trước thuế đạt 30,92 tỷ đồng bằng 74,5% tổng lợi nhuận. Đạt được kết quả trên là nhờ khai thác tốt các kho thuê ngoài và tăng dịch vụ đóng gói, giữ được khách hàng có lượng hàng hóa lớn. Riêng ngành nghề Đại lý giao nhận vận tải Quốc tế, tuy doanh thu tăng mạnh nhưng lãi giảm nhẹ so với năm 2009.

- Dịch vụ cảng thông quan nội địa (ICD): Triển khai đầu tư, nâng cấp, sửa chữa vào đầu năm 2010 và chính thức đi vào khai thác từ ngày 01/04/2010. Cảng Kho Vận (Sotrans ICD) đang từng bước khẳng định được vị trí trong ngành logistics tại khu vực. Đây là lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh mới nên còn gặp nhiều khó khăn do đó hai chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đều không đạt so với kế hoạch. Kết quả sau 9 tháng hoạt động, lỗ hơn 1 tỉ đồng.

- SXKD xăng, dầu - nhớt: Sự biến động về giá thế giới và trong nước luôn là thách thức lớn, mặt khác giá mua bán hoàn toàn phụ thuộc vào các doanh nghiệp đầu mỗi nhập khẩu cũng làm hạn chế trong kinh doanh. Doanh thu đạt 151,5 tỷ đồng, chiếm 23,4% tổng doanh thu, lợi nhuận đạt 2,76 tỷ đồng, chiếm 6,65% tổng lợi nhuận.

2.3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (Xem báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2010):

- Tổng doanh thu: 647,7 tỷ đạt 132,5% so với nghị quyết đại hội và bằng 131% năm 2009;
- Lợi nhuận trước thuế 41,475 tỷ đạt 115,2% so với nghị quyết đại hội và bằng 138,3% năm 2009; Lãi cơ bản trên cổ phiếu: 4.100 đồng, cao hơn năm 2009 mặc dù trong năm 2010 vốn điều lệ tăng từ 72 tỷ lên 83,5 tỷ đồng.

- Lợi ích của cổ đông và người lao động:

- o Cổ đông: Nhận cổ tức 18%. Số tiền trả cổ tức năm 2010: 15.033 triệu đồng.

- o Người lao động: Đủ việc làm, tương đối ổn định (trừ đơn vị bị giải thể) tổng thu nhập (tiền lương, thưởng Lễ - Tết) sau thuế bình quân khoảng 9,9 triệu đồng/người/tháng tăng 3,86 % so với năm 2009 và được hưởng phúc lợi xã hội tương đối tốt như tham quan nghỉ dưỡng, BHXH, BHYT, khám sức khỏe hàng năm...

III. MỤC TIÊU, KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2011:

3.1. Môi trường kinh doanh:

- **Điểm mạnh:**

- Sở hữu diện tích kho, bãi khá lớn và tọa lạc tại các vị trí thuận lợi về điều kiện kinh doanh, nguồn nhân lực đạt trình độ chuyên nghiệp cao, năng động.
- Có thể cung cấp dịch vụ theo chuỗi dịch vụ logistics cho khách hàng.
- Sotrans là một trong những thương hiệu mạnh, uy tín về hoạt động logistics.



- **Điểm yếu:**

- Kho và hạ tầng bãi cảng quá cũ đang bị xuống cấp, kĩ thuật lạc hậu, kết nối giao thông từ kho, cảng tới quốc lộ trong nhiều tháng khó khăn do xa lộ Hà Nội thi công mở rộng; sản phẩm dịch vụ mới chưa nhiều, tính cạnh tranh thấp, công nghệ quản lý trung bình, năng suất chưa cao.
- Dịch vụ hỗ trợ vận tải chủ yếu là thuê ngoài.
- Hoạt động khai thác cảng là lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh khá mới, chưa có kinh nghiệm, cán bộ nhân viên tuyển dụng từ nhiều nguồn, năng lực chuyên môn hạn chế.

- **Cơ hội:**

- Nhận định chung kinh tế thế giới và trong nước năm 2011 sẽ tăng trưởng cao hơn năm trước, hoạt động SXKD và XNK tiếp tục phát triển, đó chính là nguồn lực, là cơ hội phát triển dịch vụ logistics.
- Mặt khác, công ty trực tiếp khai thác ICD, thành lập mới và và tổ chức lại 4 đơn vị SXKD trực thuộc cũng chính là cơ hội để tăng năng suất, hiệu quả kinh doanh của công ty.

- **Thách thức:**

- Thị trường tiếp tục bị cạnh tranh bởi các doanh nghiệp trong và ngoài nước; nguồn vốn ít; khả năng huy động vốn để đầu tư đổi mới và mở rộng năng lực kinh doanh Logistics gặp nhiều khó khăn.
- Thời hạn thuê đất của nhà nước quá ngắn (thuê từng năm và 10 năm) cũng là thách thức lớn để đầu tư phát triển dài hạn.

3.2. Mục tiêu:

- Đầu tư cơ sở vật chất, đổi mới công nghệ và tiếp tục đào tạo nguồn nhân lực để trở thành công ty hàng đầu về dịch vụ logistics (kho vận giao nhận, khai thác cảng).
- Năm 2011 tiếp tục tập trung khai thác cảng hiệu quả, đồng thời tìm đối tác có đất để đầu tư xây dựng kho (theo hình thức hợp tác kinh doanh kho).
- Phát triển quan hệ đại lý với các đối tác nước ngoài trong lĩnh vực giao nhận vận tải quốc tế.

3.3. Kế hoạch chỉ tiêu kinh doanh:

Chỉ tiêu L. vực SXKD	Lao động BQ/năm	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Lương bình quân người/tháng
	Người	Tr. đồng	Tr. đồng	Tr. đồng
1. Kho vận giao nhận	290	465.000	23.000	7,8
2. Cảng (ICD)	85	30.000	4.500	6,2
3. Xăng dầu	23	135.000	2.500	6,9
4. Toàn công ty	398	630.000	30.000	7,4

IV. CÁC GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM:

4.1. Công tác tổ chức:

- Ổn định tổ chức các đơn vị sản xuất kinh doanh. Phân định thị trường, khu vực giữa các đơn vị kinh doanh trong cùng ngành nghề.
- Tăng cường liên kết phối hợp giữa các đơn vị, hướng đến hình thành chuỗi dịch vụ logistics.

4.2. Hoạt động đầu tư:

- Đầu tư bổ sung phương tiện kỹ thuật (02 xe nâng container rỗng) phục vụ khai thác cảng và phát triển các dịch vụ tại Cảng Kho vận.
- Tiếp tục theo dõi quy hoạch của TP.HCM trên khu đất công ty đang thuê làm văn phòng, kho tại số 1B đường Hoàng Diệu và số 117 Nguyễn Tất Thành, quận 4 để đăng ký đầu tư các công trình phù hợp.

4.3. Công tác nhân sự:

- Thành lập mới phòng Nhân sự, xây dựng công tác quản trị nhân sự chặt chẽ và hiệu quả, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của công ty và các đơn vị thành viên. Sắp xếp tổ chức nhân sự hiệu quả tại các đơn vị.
- Tuyển dụng lao động bổ sung các vị trí có nhu cầu, đặc biệt là lực lượng sales trong toàn công ty.

4.4. Công tác đào tạo:

- Phát triển chiến lược đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên cơ sở đào tạo bên ngoài kết hợp với đào tạo nội bộ và đa dạng loại hình như học tập trung, học ngoài giờ
- Tạo nguồn kinh phí năm 2011 khoảng 400 đến 500 triệu đồng.

4.5. Chiến lược Marketing:

- Xây dựng chiến lược Marketing năm 2011 với trọng tâm quảng bá hình ảnh thương hiệu nhằm nâng cao vị thế thương hiệu Sotrans trong ngành dịch vụ logistics.
- Phát triển công tác truyền thông thương hiệu ra các kênh đại chúng song song với việc quảng bá trên các kênh chuyên ngành.
- Ứng dụng kỹ thuật mới trong công tác marketing như: Online Marketing, Email Marketing...

4.6. Chiến lược thị trường, sản phẩm:

• Dịch vụ Kho vận-giao nhận:

- Tăng cường hợp tác quản lý kinh doanh kho hàng với các đơn vị có nhà-xưởng nhưng không có chuyên môn, kinh nghiệm khai thác, kinh doanh kho-bãi; Xây dựng hệ thống quy trình quản lý kho tiên tiến theo chất lượng ISO; Bảo đảm chất lượng dịch vụ đúng quy trình chuẩn đã công bố hoặc đã giới thiệu, gửi thư mời chào đến khách hàng.



- Tập trung nghiên cứu, phân tích thị trường, nhu cầu khách hàng để cung cấp đến khách hàng những sản phẩm dịch vụ mới được tích hợp cao hơn đem lại giá trị gia tăng cao, thỏa mãn mong muốn của khách hàng.
- Duy trì tốt khách hàng hiện hữu và phát triển thêm khách hàng mới. Tập trung vào các mặt hàng có lợi thế hướng đến chuyên môn hóa hoạt động giao nhận.
- Tiếp tục hợp tác chặt chẽ với các hãng máy bay, hãng tàu, các nhà thầu phụ để có giá cạnh tranh tốt, củng cố và phát triển hệ thống đại lý quốc tế, đặc biệt chú trọng một số thị trường lớn như Mỹ, EU, Trung Quốc, Nhật Bản và thị trường mới nổi như Ấn Độ, Nam Phi...

• **Dịch vụ Cảng thông quan nội địa (ICD):**

- Tăng cường hợp tác chặt chẽ với các cảng, hãng tàu để đảm bảo nền tảng cung cấp dịch vụ cho khách hàng.
- Phát triển mạnh công tác sales các chủ hàng nhằm thu hút lượng hàng xuất, nhập qua ICD, tăng dịch vụ đóng/rút hàng hóa container trong bãi.
- Hoàn thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ trên cơ sở xây dựng các qui trình chặt chẽ nhưng linh động, quản lý tốt các hoạt động thuê ngoài nhằm mang đến cho khách hàng dịch vụ chuyên nghiệp, tiết kiệm thời gian và chi phí cho khách hàng.
- Phối hợp tốt với hải quan giải quyết thỏa đáng mọi yêu cầu của khách hàng.

• **Kinh doanh xăng dầu:**

- Tổ chức tốt bán lẻ xăng dầu tại cửa hàng đồng thời hợp tác chặt chẽ với các đơn vị nhập khẩu dầu mỗi đã ký hợp đồng đại lý để có thông tin sớm về các đợt điều chỉnh giá.
- Phát triển hệ thống đại lý phân phối dầu nhớt tại các tỉnh, thành phố thông qua các hợp đồng dài hạn với các đơn vị kinh doanh chuyên nghiệp. Xây dựng quy trình ưu đãi, thưởng khách hàng ký hợp đồng mua xăng dầu, dầu nhớt với số lượng lớn, thanh toán ngay khi nhận hàng.

4.7. Các giải pháp khác:

- Xây dựng hệ thống quy trình quản lý kho theo tiêu chuẩn ISO.
- Bán (chuyển nhượng) tài sản và quyền sử dụng đất tại Đà Lạt (diện tích đất 800m²) để tập trung vốn kinh doanh lĩnh vực khác hiệu quả hơn.



V. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH:

5.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011:

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	KH NĂM 2011
1	Vốn điều lệ	Đồng	83,518,570,000
2	Tổng doanh thu	Đồng	630,000,000,000
3	Doanh thu thuần	Đồng	630,000,000,000
4	Tổng chi phí	Đồng	600,000,000,000
5	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	30,000,000,000
6	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Đồng	7,500,000,000
7	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	22,500,000,000
8	Phân phối lợi nhuận sau thuế (A)	Đồng	22,500,000,000
	- Quỹ dự phòng tài chính=10%(A -cổ tức)	Đồng	746,665,740
	- Trả cổ tức:		
	+ Tỷ lệ cổ tức/mệnh giá	%	18
	+ Số tiền trả cổ tức	Đồng	15,033,342,600
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi = 30% (A-cổ tức) <= 10%LNTT	Đồng	2,239,997,220
	- Thưởng Ban điều hành công ty		223,999,722
	+ Hoàn thành kế hoạch lợi nhuận= 3%(A - cổ tức)	Đồng	223,999,722
	+ Vượt lợi nhuận (nếu có) 20%(LNTT thực hiện - LNTT kế hoạch- Thu nhập từ thanh lý, chuyển nhượng tài sản, bất động sản).	Đồng	-
	- Thù lao HĐQT, TK HĐQT, BKS	Đồng	450,000,000
	+ Thù lao HĐQT và TK HĐQT = 1,5%A	Đồng	337,500,000
	+ Thù lao BKS = 0,5%A	Đồng	112,500,000
	- Trích quỹ xã hội từ thiện	Đồng	200,000,000
	- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (5% A)	Đồng	1,125,000,000
	- Lợi nhuận sau thuế còn lại bổ sung quỹ đầu tư phát triển	Đồng	2,480,994,718
9	Số lao động bình quân	Người	398
10	Tổng quỹ lương được trích=59%(Tổng thu - chi phí trước lương)	Đồng	43,170,000,000

VI. HIỆU QUẢ KINH DOANH VÀ KẾT LUẬN:

6.1. Chỉ tiêu cơ bản:

- Tổng doanh thu: 630 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 30 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế: 22,5 tỷ đồng.
- Tổng tài sản: 169 tỷ đồng.
- Vốn chủ sở hữu: 105 tỷ đồng.
- Vốn điều lệ: 83,518 tỷ đồng.



- Lao động bình quân: 398 người.
- Quỹ lương: Bằng 59% (Tổng doanh thu - Chi phí trước lương).
- Bình quân lương tháng/1 lao động $\geq$ 7,4 triệu đồng.

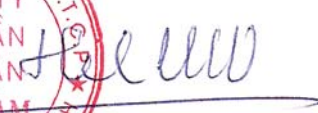
6.2. Chỉ tiêu hiệu quả:

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản: 13,3%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu: 3,57%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu: 21,4%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ: 26,9%
- Lãi cơ bản/Cổ phiếu: 2.690 đồng.

Báo cáo kết quả SXKD năm 2010 và kế hoạch năm 2011 được trình bày trên cơ sở thực hiện năm 2010 kết hợp các yếu tố về môi trường kinh doanh và thực tế tăng trưởng các ngành nghề kinh doanh của công ty. Do đặc điểm ngành nghề dịch vụ logistics có liên hệ chặt chẽ với hoạt động xuất nhập khẩu nên một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2011 có thể phải điều chỉnh giảm nếu đầu tư và XNK giảm.

Kính trình HĐQT và Đại hội đồng cổ đông quyết định thông qua.

TM. BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC



HOÀNG QUYÊN

***Ai có kinh nghiệm hơn 35 năm
trong các dịch vụ kho bãi ?***



SOTRANS/F&W

Địa chỉ: 1B Hoàng Diệu, Quận 4, TP HCM, Việt Nam

ĐT: (84.8) 3826 9727 - Fax: (84.8) 3940 2566

Email: info@sotrans.com.vn

SOTRANS/P&W

Địa chỉ: Km 09 Xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam

ĐT: (84.8) 3896 0967 - Fax: (84.8) 3896 0360

Email: info-pw@sotrans.com.vn - Website: www.sotrans.com.vn



SOTRANS

We make it simple !



Phần IV

Báo cáo tài chính

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM ngày 27/09/2006 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0300645369 đăng ký lần đầu ngày 29/12/2006 và thay đổi đăng ký lần thứ 5 ngày 16/12/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 1B Hoàng Diệu, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Quyến	Chủ tịch
Bà Đoàn Thị Đông	Phó Chủ tịch
Ông Trần Huy Hiền	Thành viên
Ông Tô Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Vinh	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Quyến	Tổng Giám đốc
Ông Trần Huy Hiền	Phó Tổng giám đốc
Bà Đoàn Thị Đông	Phó Tổng giám đốc
Ông Trần Mạnh Đức	Phó Tổng giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Phan Đình Bội	Trưởng ban
Ông Trần Văn Đức	Thành viên
Ông Võ Sáng Xuân Vinh	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác và phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hoàng Quyên

Chủ tịch Hội đồng quản trị
kiêm Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2011

Số: /2011/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam được lập ngày 25 tháng 02 năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày từ trang 05 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán (AASC)



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2011

Vũ Xuân Biển

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 0743/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		123.047.784.471	135.719.211.386
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	46.144.280.101	50.027.601.896
111	1. Tiền		18.731.680.101	20.027.601.896
112	2. Các khoản tương đương tiền		27.412.600.000	30.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	3.423.188.300	3.647.898.810
121	1. Đầu tư ngắn hạn		6.943.070.100	6.997.209.090
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(3.519.881.800)	(3.349.310.280)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		61.141.269.920	52.516.129.698
131	1. Phải thu của khách hàng		49.722.340.753	47.707.953.378
132	2. Trả trước cho người bán		2.452.057.966	295.327.374
135	5. Các khoản phải thu khác	5	9.238.032.002	4.596.705.611
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	6	(271.160.801)	(83.856.665)
140	IV. Hàng tồn kho		2.532.496.918	21.264.994.049
141	1. Hàng tồn kho	7	2.532.496.918	21.264.994.049
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		9.806.549.232	8.262.586.933
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	874.252.996	1.296.818.507
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		617.207.957	83.147.610
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	9	807.820.698	755.077.680
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	10	7.507.267.581	6.127.543.136
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		46.092.661.615	22.669.610.175
220	II. Tài sản cố định		42.227.435.918	19.488.433.733
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	40.513.722.163	17.754.422.426
222	- Nguyên giá		98.498.548.613	74.369.307.529
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(57.984.826.450)	(56.614.885.103)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	1.713.713.755	1.734.011.307
228	- Nguyên giá		2.445.207.231	2.250.624.731
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(731.493.476)	(516.613.424)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13	1.680.000.000	1.680.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		1.680.000.000	1.680.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		2.185.225.697	1.501.176.442
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	1.425.272.285	983.223.030
268	3. Tài sản dài hạn khác	15	759.953.412	517.953.412
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		169.140.446.086	158.388.821.561

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		50.708.320.543	61.094.275.547
310	I. Nợ ngắn hạn		50.005.668.399	60.599.566.417
312	2. Phải trả người bán		29.834.815.626	22.852.935.278
313	3. Người mua trả tiền trước		446.540.905	962.021.626
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	2.383.570.953	4.695.980.447
315	5. Phải trả người lao động		8.453.697.239	14.492.870.811
316	6. Chi phí phải trả	17	476.060.425	293.819.016
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	18	7.837.243.307	12.508.219.540
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		573.739.944	4.793.719.699
330	II. Nợ dài hạn		702.652.144	494.709.130
333	3. Phải trả dài hạn khác		470.151.000	297.651.000
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	89.143.430
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		232.501.144	107.914.700
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		118.432.125.543	97.294.546.014
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	118.432.125.543	97.294.546.014
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		83.518.570.000	83.518.570.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		2.906.976.300	2.906.976.300
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(477.756.234)	103.073.419
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		10.915.825.004	7.800.872.045
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		2.965.054.250	2.965.054.250
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		18.603.456.223	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		169.140.446.086	158.388.821.561

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
		VND	VND
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		374.340.638.415	463.081.203.357
4. Nợ khó đòi đã xử lý		65.460.900	65.460.900
5. Ngoại tệ các loại			
- Dollar Mỹ (USD)		909.761,49	132.848,91
- Euro		432,60	1.000,90

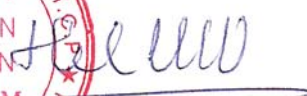
Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Minh Hải

Trương Văn Thuận

Hoàng Quyên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	647.667.147.428	468.445.219.812
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		647.667.147.428	468.445.219.812
11	4. Giá vốn hàng bán	21	538.695.003.664	368.985.774.017
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		108.972.143.764	99.459.445.795
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	2.201.154.471	1.995.463.344
22	7. Chi phí tài chính	23	487.441.767	(2.413.727.708)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	217.951.127
24	8. Chi phí bán hàng		70.997.795.323	62.260.396.799
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		13.054.724.765	12.804.749.878
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		26.633.336.380	28.803.490.170
31	11. Thu nhập khác	24	16.620.940.783	4.004.856.165
32	12. Chi phí khác	25	1.779.035.533	1.162.167.668
40	13. Lợi nhuận khác		14.841.905.250	2.842.688.497
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		41.475.241.630	31.646.178.667
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	7.229.046.948	5.256.605.011
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	89.143.430
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		34.246.194.682	26.300.430.226
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	4.100	4.094

Người lập



Lê Minh Hải

Kế toán trưởng



Trương Văn Thuận

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2011

Tổng Giám đốc



Hoàng Quyên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		757.734.843.473	529.272.372.185
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(660.994.549.977)	(435.456.046.348)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(54.859.884.895)	(42.192.931.530)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		-	(217.951.127)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(9.160.877.832)	(1.875.000.000)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.505.435.834	4.985.989.869
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(17.557.327.735)	(3.180.840.685)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		17.667.638.868	51.335.592.364
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(29.970.342.789)	(980.577.810)
	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		15.680.613.636	3.237.833.194
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		57.171.840	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	3.387.462.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.318.650.980	523.850.116
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(12.913.906.333)	6.168.567.500
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	10.190.746.267
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(23.404.794.217)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(8.125.518.800)	(3.060.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(8.125.518.800)	(16.274.047.950)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(3.371.786.265)	41.230.111.914
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		50.027.601.896	8.836.062.738
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(511.535.530)	(38.572.756)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	46.144.280.101	50.027.601.896

Người lập



Lê Minh Hải

Kế toán trưởng



Trương Văn Thuận

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2011

Tổng Giám đốc




Hoàng Quyên



**Ai đã 35 năm kinh nghiệm
trong lĩnh vực khai quan và giao nhận
hàng hóa xuất nhập khẩu tại Việt Nam ?**



SOTRANS | Logistics

Địa chỉ: 1B Hoàng Diệu, Quận 4,
TP. HCM, Việt Nam
ĐT: (84.8) 3940 0447 - Fax: (84.8) 3940 0122
Email: support@sotrans.com.vn

SOTRANS | F&W

Địa chỉ: 1B Hoàng Diệu, Quận 4,
TP. HCM, Việt Nam
ĐT: (84.8) 3826 9727 - Fax: (84.8) 3940 2566
Email: info@sotrans.com.vn

SOTRANS | Hanoi

Địa chỉ: Tầng 4, 142 phố Đội Cấn,
Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (84.4) 3732 1118 - Fax: (84.4) 3732 1119
Email: info@sotranshanoi.com.vn
Website: www.sotrans.com.vn



SOTRANS

We make it simple !



Phần V

Bản giải trình báo cáo tài chính và Báo cáo kiểm toán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM ngày 27/09/2006 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0300645369 đăng ký lần đầu ngày 29/12/2006 và thay đổi đăng ký lần thứ 5 ngày 16/12/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 1B Hàng Diệu, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 83.518.570.000 VND. Tương đương 8.351.857 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có các đơn vị thành viên như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Xí nghiệp Dịch vụ Kho bãi Cảng	Km 9 Xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP. HCM
- Xí nghiệp Dịch vụ Kho vận Giao nhận	Số 1B Hoàng Diệu, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
- Xí nghiệp Đại lý Giao nhận Vận tải Quốc tế	Số 1B Hoàng Diệu, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
- Xí nghiệp Vật tư Xăng dầu (a)	Số 18 Hoàng Diệu, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
- Cảng kho vận (b)	Km 9 Xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP. HCM
- Xí nghiệp Giao nhận VT Quốc tế Tiêu điểm (c)	Số 16 Cửu Long, Quận Tân Bình, TP. HCM
- CN Công ty CP Kho vận Miền Nam tại Hà Nội	Số 142 Phố Đội Cấn, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội
- CN Công ty CP Kho vận Miền Nam tại Cần Thơ (d)	Số 08 Đường 3/2, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

(a): Xí nghiệp Vật tư Xăng dầu được đổi tên từ Xí nghiệp Hóa dầu Solube theo Thông báo số 162/KVMN ngày 23 tháng 03 năm 2010.

(b): Cảng Kho vận được thành lập theo Quyết định số 05/2010/QĐ ngày 26 tháng 01 năm 2010.

(c): Xí nghiệp Giao nhận Vận tải Quốc tế Tiêu điểm được thành lập theo Quyết định số 03/2010/QĐ ngày 26 tháng 01 năm 2010.

(d): CN Công ty CP Kho vận Miền Nam tại Cần Thơ đã giải thể theo Quyết định số 176/QĐ-KVMN ngày 25 tháng 03 năm 2010.

Công ty có các công ty liên doanh, liên kết sau:

Tên đơn vị	Nơi thành lập	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần SDB Việt Nam.	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0300645369 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/12/2009 (thay đổi lần thứ 5), hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, cho thuê văn phòng làm việc;
- Dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức. Đại lý tàu biển. Môi giới hàng hải.
- Xếp dỡ giao nhận hàng hóa;
- Dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan. Dịch vụ phát chuyển nhanh. Kinh doanh kho ngoại quan, CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center).

- Dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu. Mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Sản xuất gia công các sản phẩm dầu nhớt, dầu mỡ bôi trơn. Sản xuất bao bì các loại (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy, chế biến gỗ);
- Mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt - nhựa;
- Mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng. Mua bán hàng may mặc và nguyên phụ liệu may mặc;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Đại lý bán vé máy bay, vé tàu hỏa. Đại lý bảo hiểm;
- Cho thuê xe ô tô;
- Mua bán phụ gia, nguyên liệu pha chế dầu nhờn;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Đại lý bán vé tàu thủy;
- Bán buôn phân bón, bình ắc quy.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu ngắn hạn

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định của Quyết định số 203/2009/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Các tài sản khác	05 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm

Các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.



Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được biếu, tặng và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục “Chênh lệch tỷ giá” trong Phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn vào chi phí dẫn đến kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ, một phần chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí trong vòng 5 năm tiếp theo.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;

Chi phí cho vay và đi vay vốn;

Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty áp dụng là 25%.

Theo Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần và Nghị định số 164/2003/NĐ - CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành luật Thuế TNDN, Công ty được miễn thuế 02 năm đầu tiên kể từ khi có thu nhập chịu thuế (Công ty có thu nhập chịu thuế từ năm 2007), giảm 50% thuế TNDN trong 02 năm tiếp theo. Theo đó, năm 2010, Công ty đang được giảm 50% số thuế phải nộp cho hoạt động kinh doanh chính.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	881.989.500	2.201.372.400
Tiền gửi ngân hàng	17.849.690.601	17.432.209.496
Tiền đang chuyển	-	394.020.000
Các khoản tương đương tiền ⁽¹⁾	27.412.600.000	30.000.000.000
	46.144.280.101	50.027.601.896

(1) Số dư tại ngày 31/12/2010 của Khoản mục các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại các ngân hàng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/HĐTG/KVMN-VCB ngày 05/08/2010 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn với số tiền là 12 tỷ đồng; Kỳ hạn là 1 tháng; Lãi suất trong năm là 14%/năm và Hợp đồng gửi tiền có kỳ hạn số 0912.10/PGDBM/HĐTG-TCKT ngày 09/12/2010 với số tiền 5 tỷ đồng; Kỳ hạn là 1 tháng; Lãi suất trong năm là 13,5 %/năm; Phụ lục hợp đồng số 0912/PGDBM/HĐTG-TCKT ngày 09/12/2010.
- Hợp đồng giao dịch tiền gửi kỳ hạn số 0112/2010/H DDKT/TGKHDN ngày 29/12/2010 tại Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh với số tiền là 550.000 USD; Kỳ hạn là 1 tháng; Lãi suất trong năm là 01%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	6.943.070.100	6.997.209.090
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(3.519.881.800)	(3.349.310.280)
	3.423.188.300	3.647.898.810

Chi tiết các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

	31/12/2010		01/01/2010	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
		VND		VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		6.943.070.100	-	6.997.209.090
<u>Cổ phiếu đã niêm yết</u>				
BVS	10.560	1.462.077.250	10.560	1.462.077.250
PVD	6	639.018	66	7.029.198
SDA	4.836	507.036.000	4.030	507.036.000
SSI	28.260	1.396.647.832	14.130	1.396.647.832
VCB	10.927	1.114.270.000	10.000	1.105.000.000
HPC	-	-	37	2.228.436
SVC	-	-	6	752.790
VSP	-	-	16	1.037.584
DHC	-	-	2.500	53.000.000
<u>Cổ phiếu chưa niêm yết</u>				
KPP	30.000	417.000.000	30.000	417.000.000
VPP	10.000	139.000.000	10.000	139.000.000
VTIEN	10.000	368.900.000	10.000	368.900.000
THEP BH	56.250	1.537.500.000	50.000	1.537.500.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(3.519.881.800)		(3.349.310.280)
		3.423.188.300		3.647.898.810

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Văn phòng công ty	108.412.899	408.845.030
Xí nghiệp Dịch vụ Kho vận Giao nhận - Chi hộ	1.763.182.580	795.826.856
Xí nghiệp Đại lý Giao nhận vận tải Quốc tế - Chi hộ	7.140.244.067	2.928.818.330
Xí nghiệp Vật tư Xăng dầu	3.727.344	75.642.014
Xí nghiệp Dịch vụ Kho bãi cảng	64.087.283	372.294.100
Xí nghiệp Tiêu điểm	93.588.238	-
Xí nghiệp Cảng Kho vận	55.452.670	
Chi nhánh Công ty CP Kho vận Miền Nam tại Hà Nội	9.336.921	15.279.281
	9.238.032.002	4.596.705.611

6 . DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Xí nghiệp Đại lý Giao nhận Vận tải Quốc tế	77.134.420	36.263.429
CN Công ty CP Kho vận Miền Nam tại Hà Nội	122.176.676	47.593.236
Xí nghiệp Tiêu điểm	58.897.205	-
Văn phòng Công ty	12.952.500	-
	271.160.801	83.856.665

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	1.269.818.176	2.130.545.455
Nguyên liệu, vật liệu	2.721.228	11.884.011.915
Công cụ, dụng cụ	-	805.211.420
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	7.349.798
Thành phẩm	10.774.906	4.503.252.130
Hàng hoá	1.249.182.608	1.934.623.331
	2.532.496.918	21.264.994.049

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí thực hiện hợp đồng	782.404.837	1.287.089.941
Chi phí khác	91.848.159	9.728.566
	874.252.996	1.296.818.507

9 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	499.054.808	755.077.680
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	308.765.890	-
	807.820.698	755.077.680

10 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	6.925.565.071	6.125.543.136
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký ợc	581.702.510	2.000.000
	7.507.267.581	6.127.543.136

11 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	50.630.325.013	6.887.805.781	15.098.496.651	1.752.680.084	74.369.307.529
Số tăng trong năm	1.053.681.726	1.958.236.910	25.378.156.545	659.883.213	29.049.958.394
- Mua sắm mới	428.388.090	1.958.236.910	25.378.156.545	659.883.213	28.424.664.758
- Nâng cấp tài sản cố định	625.293.636	-	-	-	625.293.636
Số giảm trong năm	(886.669.637)	(3.472.446.647)	(396.606.666)	(164.994.360)	(4.920.717.310)
- Thanh lý, nhượng bán	(886.669.637)	(3.472.446.647)	(396.606.666)	(164.994.360)	(4.920.717.310)
Số dư cuối năm	50.797.337.102	5.373.596.044	40.080.046.530	2.247.568.937	98.498.548.613
Giá trị đã hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	36.826.014.718	5.551.660.205	12.972.577.397	1.264.632.783	56.614.885.103
Số tăng trong năm	2.692.883.972	286.034.918	1.991.812.690	219.566.359	5.190.297.939
- Trích khấu hao	2.692.883.972	286.034.918	1.991.812.690	219.566.359	5.190.297.939
Số giảm trong năm	(594.430.876)	(2.696.318.717)	(364.612.639)	(164.994.360)	(3.820.356.592)
- Thanh lý, nhượng bán	(594.430.876)	(2.696.318.717)	(364.612.639)	(164.994.360)	(3.820.356.592)
Số dư cuối năm	38.924.467.814	3.141.376.406	14.599.777.448	1.319.204.782	57.984.826.450
Giá trị còn lại					
Đầu năm	13.804.310.295	1.336.145.576	2.125.919.254	488.047.301	17.754.422.426
Cuối năm	11.872.869.288	2.232.219.638	25.480.269.082	928.364.155	40.513.722.163

Trong đó

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 24.208.195.922 đồng.

12 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	1.287.550.000	785.193.750	177.880.981	2.250.624.731
Số tăng trong năm	-	194.582.500	-	194.582.500
- Mua sắm mới	-	194.582.500	-	194.582.500
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	1.287.550.000	979.776.250	177.880.981	2.445.207.231
Giá trị đã hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	94.420.348	274.414.989	147.778.087	516.613.424
Số tăng trong năm	25.751.004	174.972.966	14.156.082	214.880.052
- Trích khấu hao	25.751.004	174.972.966	14.156.082	214.880.052
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	120.171.352	449.387.955	161.934.169	731.493.476
Giá trị còn lại				
Đầu năm	1.193.129.652	510.778.761	30.102.894	1.734.011.307
Cuối năm	1.167.378.648	530.388.295	15.946.812	1.713.713.755

13 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	1.680.000.000	1.680.000.000
- Công ty Cổ phần SDB Việt Nam	1.680.000.000	1.680.000.000
	1.680.000.000	1.680.000.000

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2010 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần SDB Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	105.000	35,00%	Dịch vụ kho bãi; Dịch vụ Đại lý vận tải; Dịch vụ thu tục, hải quan; Dịch vụ logistics.

Theo giấy chứng nhận đầu tư số 41132000017 ngày 13/12/2007 thì Vốn điều lệ của Công ty là 4,8 tỷ VNĐ (tương đương 300.000USD). Trong đó, số cổ phần năm giữ của Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam là 105.000 cổ phần (chiếm 35% vốn góp). Thời hạn hoạt động của dự án là 20 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Số dư đầu năm	983.223.030	774.772.927
Số tăng trong năm	1.320.850.859	1.432.394.506
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(878.801.604)	(1.223.944.403)
Giảm khác	-	-
Số dư cuối năm	1.425.272.285	983.223.030

Chi tiết số dư chi phí trả trước dài hạn:

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí tư vấn khảo sát thiết kế sơ bộ hạ tầng logistic	432.034.754	863.069.507
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	924.318.056	32.611.067
Chi phí trả trước dài hạn khác	68.919.475	87.542.456
	1.425.272.285	983.223.030

15 . TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ dài hạn	759.953.412	517.953.412
	759.953.412	517.953.412

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	665.771.377	888.304.755
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	342.694.719
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.449.774.127	3.381.605.011
Thuế Thu nhập cá nhân	261.566.649	10.378.229
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	6.458.800	72.997.733
	2.383.570.953	4.695.980.447

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Trích trước chi phí bốc xếp	85.132.429	-
Trích trước chi phí thuê kho bãi	259.690.458	109.464.473
Trích trước chi phí kiểm toán Báo cáo tài chính	125.000.000	65.000.000
Trích trước chi phí điện nước	6.237.538	119.354.543
	476.060.425	293.819.016

18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	215.318.227	290.179.486
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	760.366.000	80.000.000
Phải trả cổ tức cho cổ đông	6.057.109.500	1.670.371.400
Nhận tạm ứng tiền mua lô đất trạm Ngũ Phúc	-	9.872.100.000
Phải trả tiền hoa hồng	446.172.482	-
Phải trả, phải nộp khác	358.277.098	595.568.654
	7.837.243.307	12.508.219.540



19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Vốn khác của Chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	51.000.000.000	1.735.026.836		21.944.134.346	1.940.049.462	-	76.619.210.644
Tăng vốn trong năm trước	32.518.570.000	-	-	-	-	-	32.518.570.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	26.300.430.226	26.300.430.226
Tăng khác	-	1.171.949.464	103.073.419	6.856.737.699	1.025.004.788	-	9.156.765.370
Giảm khác	-	-	-	(21.000.000.000)	-	(26.300.430.226)	(47.300.430.226)
Số dư cuối năm trước	83.518.570.000	2.906.976.300	103.073.419	7.800.872.045	2.965.054.250	-	97.294.546.014
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	34.246.194.682	34.246.194.682
Hoàn nhập CLTG đầu năm	-	-	(103.073.419)	-	-	-	(103.073.419)
Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	-	(12.527.785.500)	(12.527.785.500)
Tăng quỹ do ưu đãi thuế chuyển từ DNNN sang Công ty cổ phần	-	-	-	3.114.952.959		(3.114.952.959)	-
Giảm do đánh giá CLTG cuối năm	-	-	(477.756.234)	-	-	-	(477.756.234)
Số dư cuối năm nay	83.518.570.000	2.906.976.300	(477.756.234)	10.915.825.004	2.965.054.250	18.603.456.223	118.432.125.543

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của Nhà nước	39.859.420.000	47,73%	39.859.420.000	47,73%
Vốn góp của đối tượng khác	43.659.150.000	52,27%	43.659.150.000	52,27%
	83.518.570.000	100,00%	83.518.570.000	100,00%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	83.518.570.000	83.518.570.000
- Vốn góp đầu năm	83.518.570.000	51.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	32.518.570.000
- Vốn góp cuối năm	83.518.570.000	83.518.570.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	12.527.785.500	16.248.941.400
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	3.060.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	12.527.785.500	13.188.941.400
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm kế toán		
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	18%	18%

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 519/2010/NQ-HĐQT ngày 06/11/2010 về việc thông qua tạm ứng cổ tức đợt I năm 2010.

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		34.246.194.682
Trích Quỹ Đầu tư phát triển từ chi phí thuế TNDN được ưu đãi chuyển đổi DNNN sang Công ty cổ phần		3.114.952.959
Tạm ứng cổ tức	15%	12.527.785.500

d) Cổ phiếu

	31/12/2010	01/01/2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.351.857	8.351.857
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.351.857	8.351.857
- Cổ phiếu phổ thông	8.351.857	8.351.857
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.351.857	8.351.857
- Cổ phiếu phổ thông	8.351.857	8.351.857
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
	10.915.825.004	7.800.872.045
	2.965.054.250	2.965.054.250
	13.880.879.254	10.765.926.295

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh.

Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	146.019.326.802	156.619.246.597
Doanh thu cung cấp dịch vụ	501.647.820.626	311.825.973.215
	647.667.147.428	468.445.219.812

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	139.114.734.194	148.346.662.171
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	399.580.269.470	220.639.111.846
	538.695.003.664	368.985.774.017

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.219.408.980	916.252.678
Cổ tức, lợi nhuận được chia	99.242.000	180.182.801
Lãi bán ngoại tệ	36.978.500	45.915
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	835.024.991	744.475.140
Lãi bán cổ phiếu	10.500.000	154.506.810
	2.201.154.471	1.995.463.344

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	217.951.127
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	7.641.460	1.637.283.792
Lỗ do bán ngoại tệ	27.681.916	80.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	280.675.728	585.785.270
Dự phòng các khoản đầu tư	170.571.520	(4.854.827.897)
Chi phí tài chính khác	871.143	-
	487.441.767	(2.413.727.708)

24 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Thu từ bán thanh lý tài sản cố định và công cụ dụng cụ	15.999.413.636	3.237.833.194
Thu bồi thường bảo hiểm	-	438.406.482
Xử lý công nợ phải trả	80.033.000	-
Thu nhập khác	541.494.147	328.616.489
	16.620.940.783	4.004.856.165

25 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản cố định	1.437.328.082	1.114.052.657
Chi phí khác	341.707.451	48.115.011
	1.779.035.533	1.162.167.668

26 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	41.475.241.630	31.646.178.667
- Hoạt động kinh doanh được ưu đãi	24.919.623.676	21.239.517.249
- Hoạt động kinh doanh không được ưu đãi	16.555.617.954	10.406.661.418
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(99.242.000)	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(99.242.000)	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	41.375.999.630	31.646.178.667
- Hoạt động kinh doanh được ưu đãi	24.919.623.676	21.239.517.249
- Hoạt động kinh doanh không được ưu đãi	16.456.375.954	10.406.661.418
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Hoạt động kinh doanh được ưu đãi	12,5%	12,5%
- Hoạt động kinh doanh không được ưu đãi	25,0%	25,0%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	7.229.046.948	5.256.605.011
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.229.046.948	5.256.605.011
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	3.381.605.011	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(9.160.877.832)	(1.875.000.000)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.449.774.127	3.381.605.011

27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	34.246.194.682	26.300.430.226
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	34.246.194.682	26.300.430.226
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.351.857	6.423.779
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.100	4.094

28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

29 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

a). Báo cáo bộ phận chính yếu – Theo lĩnh vực kinh doanh:

Chỉ tiêu	Dịch vụ kho nhận, giao nhận, vận tải	Kinh doanh xăng dầu, nhớt	Cộng
	VND	VND	VND
Năm 2010			
1 Doanh thu thuần trực tiếp từ bên ngoài	501.647.820.626	146.019.326.802	647.667.147.428
2 Doanh thu thuần trực tiếp cho các bộ phận khác	-	-	-
3 Các chi phí trực tiếp	458.318.899.045	141.579.205.755	599.898.104.800
4 Chi phí khấu hao và chi phí phân bổ	5.832.178.680	461.622.318	6.293.800.998
5 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế (5) = (1)-(3)-(4)	37.496.742.901	3.978.498.729	41.475.241.630
6 Tổng chi phí phát sinh để mua tài sản dài hạn	31.513.617.318	158.680.183	31.672.297.501
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010			
1 Tài sản bộ phận	106.799.441.450	11.336.426.994	118.135.868.444
2 Tài sản không phân bổ	-	-	50.975.377.434
Tổng tài sản	106.799.441.450	11.336.426.994	169.111.245.878
1 Nợ phải trả của các bộ phận	25.268.555.630	665.928.142	25.934.483.772
2 Nợ phải trả không phân bổ	-	-	24.744.636.563
Tổng nợ phải trả	25.268.555.630	665.928.142	50.679.120.335

b). Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý

Chỉ tiêu	Hồ Chí Minh, Cần Thơ	Hà Nội	Cộng
	VND	VND	VND
1 Doanh thu thuần trực tiếp từ bên ngoài	581.599.162.330	66.067.985.098	647.667.147.428
2 Tài sản bộ phận	159.693.184.672	9.418.061.206	169.111.245.878
3 Tổng chi phí phát sinh để mua tài sản dài hạn	31.315.166.568	357.130.933	31.672.297.501

30 . SỔ LIỆU SO SÁNH

Sổ liệu so sánh là sổ liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại và trình bày lại do thay đổi chế độ kế toán. Thực hiện theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc thay đổi chế độ kế toán hiện hành, từ ngày 1/1/2010 số dư Quỹ khen thưởng, Phúc lợi được trình bày trong mục nợ ngắn hạn thay cho trước đây được trình bày trong mục vốn chủ sở hữu.

	<u>Mã số</u>	<u>Phân loại lại</u> VND	<u>Đã trình bày trên</u> <u>báo cáo năm trước</u> VND
Bảng cân đối kế toán			
Nợ ngắn hạn	310	60.599.566.417	55.805.846.718
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	4.793.719.699	-
Vốn chủ sở hữu (*)	400	97.294.546.014	102.088.265.713

(*) Trong đó Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu là quỹ thưởng ban điều hành công ty là 1.150.769.868 VNĐ.

Người lập



Lê Minh Hải

Kế toán trưởng



Trương Văn Thuận

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2011

Tổng Giám đốc



Hoàng Quyên



SOTRANS

We make it simple !



Dịch vụ kho
Warehousing



Kinh doanh xăng dầu
Petroleum trading



Vận tải quốc tế
International freight forwarder



Cảng thông quan nội địa
Inland clearance depot (ICD)

➡ **Dịch vụ Kho:**

- Kho ngoại quan.
- Kho chứa hàng hóa.

➡ **Kinh doanh Xăng dầu.**

➡ **Vận tải Quốc tế:**

- Vận tải đường biển.
- Vận tải hàng không.
- Vận tải đa phương thức.
- Vận chuyển hàng công trình, dự án.
- Vận chuyển hàng xá, hàng rời.
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa XNK.
- Dịch vụ khai thuê hải quan.

➡ **Cảng thông quan nội địa (ICD).**

Warehousing:

- . Bonded warehouse
- . Warehousing

Petroleum Trading.

International Freight Forwarding:

- . Sea freight
- . Air freight
- . Multimodal transport
- . Project cargo handling
- . Break bulk cargo handling
- . Logistics
- . Customs procedure
- . Inland Clearance Depot (ICD).

Sotrans Logistics

ĐT: (84.8) 3940 0447, Fax: (84.8) 3940 0122

Sotrans F&W

ĐT: (84.8) 3826 9727, Fax: (84.8) 3940 2566

Sotrans P&W

ĐT: (84.8) 3896 0967, Fax: (84.8) 3896 0360

Sotrans Focus

ĐT: (84.8) 3547 0853, Fax: (84.8) 3547 0852

Sotrans ICD

ĐT: (84.8) 3731 0033, Fax: (84.8) 3728 3324

Sotrans Petrol

ĐT: (84.8) 3728 1124, Fax: (84.8) 3896 0059

Sotrans Hanoi

ĐT: (84.4) 3732 1118, Fax: (84.4) 3732 1119

Sotrans Haiphong

ĐT: (84.31) 355 5124, Fax: (84.31) 355 5125

Sotrans Danang

ĐT: (84.511) 361 7929, Fax: (84.511) 363 1004

Sotrans Cantho

ĐT: (84.71) 384 4453, Fax: (84.71) 384 4453

Sotrans Binhduong

ĐT: (84.650) 383 4024, Fax: (84.650) 383 4124

Sotrans Dongnai

ĐT: (84.8) 3940 0447, Fax: (84.8) 3940 0122



Phần VI

Các Công ty liên quan

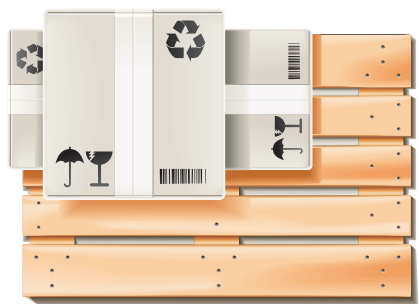
6.1. DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON CỦA CÔNG TY CP KHO VẬN MIỀN NAM:

Không có.

6.2. DANH SÁCH CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT:

Bảng 2: Danh sách các công ty liên doanh, liên kết với Công ty CP Kho vận Miền Nam

TT	Tên công ty	Vốn điều lệ hiện tại (VNĐ)	Lĩnh vực kinh doanh	Địa chỉ
1.	Công ty cổ phần SDB Việt Nam	4.800.000.000. Trong đó, Sotrans góp 1.680.000.000 đồng (tương đương 35% VDL)	Kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng. Xếp dỡ giao nhận hàng hoá. Dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức. Đại lý tàu biển. Dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan.	Lầu 5, số 6–8, Đoàn Văn Bơ, Phường 9, Quận 4, TP. HCM



Phần VII

Tổ chức và nhân sự



MAX.G.W. 30.480 KGS
TARE 67.200 LBS
MAX.C.W. 4.000 KGS
CU. CAP. 26.480 KGS
2.700 CU.FT.

Hoàn thiện chuỗi cung ứng !



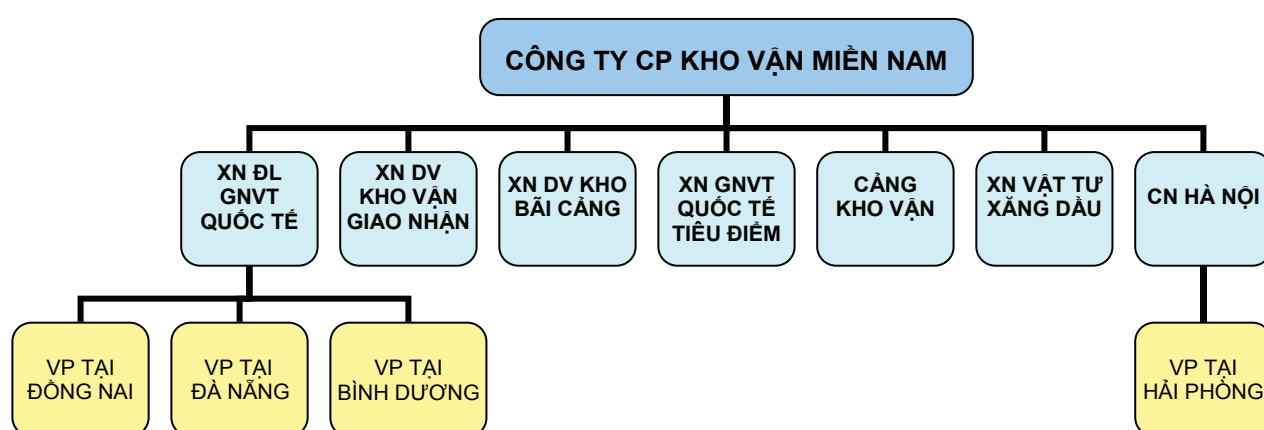
SOTRANS

We make it simple !

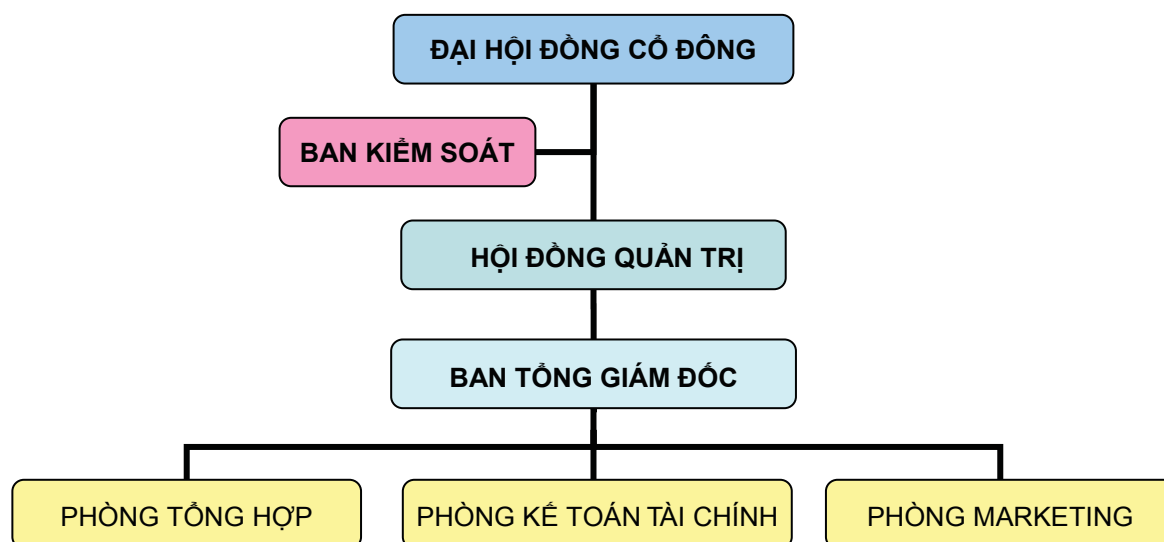
7.1. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY:

- Ban giám đốc: Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng giám đốc.
- 1 chi nhánh tại Hà Nội, các VPDD tại Hải phòng, Đồng Nai, Đà Nẵng, Bình Dương.
- 7 đơn vị thành viên, 3 phòng ban trực thuộc công ty.
- Số lượng cán bộ, nhân viên: 389 người.

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty



Sơ đồ 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



7.2. BAN ĐIỀU HÀNH:

Có 4 thành viên bao gồm 01 Tổng giám đốc và 03 Phó Tổng Giám Đốc.

- | | |
|-------------------------|-----------------------|
| 1. Ông Hoàng Quyển | Tổng Giám đốc. |
| 2. Ông Trần Huy Hiền | Phó Tổng Giám đốc. |
| 3. Bà Đoàn Thị Đông | Phó Tổng Giám đốc. |
| 4. Ông Trần Mạnh Đức | Phó Tổng Giám đốc. |
| Kế toán trưởng công ty: | Ông Trương Văn Thuận. |

Tóm tắt lý lịch:

• Ông Hoàng Quyển – Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho vận Miền Nam.

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 09/10/1950
- Nơi sinh: Hải Dương
- Số CMND: 020161801
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: 2/24 Võ Trường Toản, P.An Phú, Q.2, TP.HCM
- Số Điện thoại liên lạc: 3826 6594 (Ext. 114)
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Đại học Luật chuyên ngành Luật và Đại học kinh tế chuyên ngành Kinh tế Lao động.
- Quá trình công tác:
 - Từ 06/1968 đến 03/1976: Bộ đội C2 D29 F9 Miền Đông Nam Bộ.
 - Từ 04/1976 đến 12/2006: Công tác tại Công ty Kho Vận Miền Nam với các chức vụ:
 - Cán sự nhân sự, chuyên viên Thanh tra Bảo vệ.
 - Phó phòng Tổ chức – Hành chính, Phó Giám đốc Tổng kho, Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh Thương mại.
 - Phó Giám đốc, Giám đốc Công ty.
 - Từ 01-2007 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho Vận Miền Nam.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc.



• Ông Trần Huy Hiền – Thành viên hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho vận Miền Nam.

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 04/10/1958
- Nơi sinh: Nghệ An
- Số CMND: 021777243
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: 1351 Hoàng Văn Thụ, P4, Tân Bình, TP.HCM
- Số Điện thoại liên lạc: 3940 0947 (Ext. 171)
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh, ĐH Thương Mại
- Quá trình công tác:
 - Từ 09/1979 đến 05/1980: Chuyên gia Thương nghiệp Campuchia.
 - Từ 06/1980 đến 12/2006: Công tác tại Công ty Kho Vận Miền Nam với các chức vụ:
 - Chuyên viên kinh doanh, Tổ trưởng kho, Quản đốc Kho, Quản đốc cụm kho, Đội trưởng đội bảo quản.
 - Phó Giám đốc, Giám đốc Xí nghiệp Đại lý Giao nhận Vận tải Quốc tế.
 - Từ 01/2007 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho Vận Miền Nam.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc.

• Bà Đoàn Thị Đông - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho vận Miền Nam.

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 08/06/1957
- Nơi sinh: Quảng Trị
- Số CMND: 024673525
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Trị



- Địa chỉ thường trú: 47 - 57 Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM
- Số Điện thoại liên lạc: 3826 6594 (Ext. 116)
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Đại học Bách Khoa chuyên ngành Động cơ và Đại học Thương Mại chuyên ngành QTKD.
- Quá trình công tác:
 - Từ 05/1981 đến 06/1985: Cán bộ Kỹ thuật Công ty XD cấp thoát nước số 2
 - Từ 07/1985 đến 12/2006: Công tác tại Công ty Kho Vận Miền Nam với các chức vụ :
 - Cán bộ Kỹ thuật, chuyên viên Kế hoạch Nghiệp vụ.
 - Trưởng ban Vật tư Kỹ thuật, Xưởng phó xưởng sửa chữa.
 - Giám đốc XN Kinh doanh Thương mại.
 - Phó Giám đốc Công ty.
 - Từ 01/2007 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho Vận Miền Nam.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc
- **Ông Trần Mạnh Đức – Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho vận Miền Nam**
 - Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 20/02/1970
 - Nơi sinh: TP.HCM
 - Số CMND: 022416192
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Đồng Tháp
 - Địa chỉ thường trú: 115/58 Trần Đình Xu, P. Nguyễn Cư Trinh, Q1, TP.HCM
 - Số Điện thoại liên lạc: 3731 0033 (Ext. 100)
 - Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ chuyên ngành QTKD, Đại học Hàng Hải
 - Quá trình công tác:
 - Từ 01/1995 đến 12/2006: Công tác tại Công ty Kho Vận Miền Nam với các chức vụ:
 - Nhân viên giao nhận, Tổ trưởng kinh doanh.
 - Phó Giám đốc XN Đại lý Giao nhận vận tải Quốc tế, Giám đốc Xí nghiệp Dịch Vụ Kho Vận Thủ Đức.



- Từ 01/2007 đến nay: Công tác tại Công ty CP Kho Vận Miền Nam với các chức vụ:
 - Giám đốc XN Dịch vụ Kho bãi cảng.
 - Phó Tổng Giám Đốc Công ty.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám Đốc.
- **Ông Trương Văn Thuận – Kế Toán Trưởng Công ty CP Kho vận Miền Nam**
 - Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 30/07/1960
 - Nơi sinh: Thái Bình
 - Số CMND: 023454061
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Thái Bình
 - Địa chỉ thường trú: 212/321/21 Nguyễn Văn Nguyễn, P. Tân Định, Q.1, TP. HCM
 - Số Điện thoại liên lạc: 08. 3826 6594 (Ext. 104)
 - Trình độ văn hóa: 10/10
 - Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế chuyên ngành Tài chính Ngân Hàng.
Đại học Luật chuyên ngành Luật, Ngoại Thương, Kinh tế quốc dân, Ngoại Ngữ chuyên Anh.
 - Quá trình công tác:
 - Từ 12/1980 đến 10/1983: Bộ đội trung đoàn 670 Quân khu 3
 - Từ 11/1983 đến 02/1988: Sinh viên Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội
 - Từ 03/1988 đến 02/1992: Kế toán Công ty Xăng dầu Khu vực II
 - Từ 03/1992 đến 12/2006: Công tác tại Công ty Kho Vận Miền Nam với các chức vụ:
 - Kế toán viên Tổng hợp.
 - Trưởng phòng Kế toán Tài chính Công ty, Kế Toán Trưởng Công ty.
 - Từ 01/2007 đến nay: Kế Toán Trưởng Công ty CP Kho Vận Miền Nam.
 - Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Kế Toán Trưởng.

7.3. CÁC VĂN PHÒNG VÀ CHI NHÁNH:

- **Văn phòng trụ sở chính Công ty:**
Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam.
1B Hoàng Diệu, P.13, Q.4, TP. HCM.

- **Các đơn vị trực thuộc:**

STT	Đơn vị	Địa chỉ
1.	Xí nghiệp Đại lý giao nhận Vận tải Quốc tế	1B Hoàng Diệu, Q.4, Tp. HCM.
2.	Xí nghiệp Dịch vụ Kho vận Giao nhận	1B Hoàng Diệu, Q.4, Tp. HCM.
3.	Xí nghiệp dịch vụ Kho Bãi Cảng	Km 9, Xa Lộ Hà Nội Q.TĐ, Tp. HCM.
4.	Xí nghiệp GNVN Quốc tế Tiêu điểm	16 Cửu Long, Q. Tân Bình, Tp. HCM.
5.	Cảng kho vận	Km 9, Xa Lộ Hà Nội Q.TĐ, Tp. HCM.
6.	Xí nghiệp Vật Tư Xăng dầu	18 Hoàng Diệu, Q.4, Tp. HCM.

- **Các chi nhánh trực thuộc:**

STT	Đơn vị	Địa chỉ
1.	Chi nhánh SOTRANS tại Hà Nội	Số 142 Đội Cấn, Q. Ba Đình, Hà Nội.

- **Các văn phòng trực thuộc:**

STT	Đơn vị	Địa chỉ
1.	Văn phòng Bình Dương	08 Ngô Gia Tự, TX Thủ Dầu Một, Bình Dương.
2.	Văn phòng Đà Nẵng	245 Trưng Nữ Vương, Q.Hải Châu, Đà Nẵng
3.	Văn phòng Hải Phòng	441 Đà Nẵng, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Xí nghiệp Vật Tư Xăng Dầu được đổi tên từ Xí nghiệp Hóa Dầu Solube theo thông báo số 162/KVMN ngày 23/ 03/ 2010.

Cảng Kho Vận được thành lập theo quyết định số 05/2010/QĐ ngày 26/ 01/ 2010.

Xí nghiệp Giao nhận Vận tải Quốc tế Tiêu Điểm được thành lập theo quyết định số 03/2010/QĐ ngày 26/01/2010.

7.4. CÁC PHÒNG CHỨC NĂNG:

- **Phòng Tổng Hợp:**

Phòng Tổng hợp công ty là phòng quản lý nghiệp vụ, có chức năng quản trị, tham mưu, giúp Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực: kế hoạch, nghiên cứu ứng dụng và chiến lược.

phát triển kinh doanh, quản trị nhân sự – tiền lương, đầu tư, xây dựng cơ bản, pháp chế, thanh tra, bảo vệ, quản trị hành chính, thi đua khen thưởng.

- **Phòng Kế Toán Tài Chính:**

Phòng Kế Toán Tài Chính công ty là phòng quản lý nghiệp vụ có chức năng thực hiện công tác kế toán tài chính, tham mưu giúp Tổng Giám Đốc quản lý về vốn và tài sản trong hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn công ty: trực tiếp theo dõi và quản lý tài sản cố định, tài sản lưu động, vốn, công nợ, doanh thu, chi phí, thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước, đề xuất phân phối lợi nhuận, trả cổ tức. Thực hiện các báo cáo quyết toán tháng, quý, năm theo qui định của pháp luật đồng thời hướng dẫn, chỉ đạo về chuyên môn các phòng kế toán đơn vị trực thuộc.



- **Phòng Marketing:**

Phòng Marketing là phòng quản lý nghiệp vụ, có chức năng quản trị, tham mưu, giúp Tổng Giám đốc trong việc định hướng thị trường mục tiêu, phân khúc thị trường và định vị sản phẩm, hoạch định chiến lược Marketing và chiến lược kinh doanh trong toàn Công ty.

Phòng Marketing được thành lập từ năm 2009 với mục tiêu đưa thương hiệu Sotrans thành những thương hiệu hàng đầu trong ngành dịch vụ logistics tại Việt Nam.

7.5. THAY ĐỔI TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH:

Không có.

7.6. CÁN BỘ CNV VÀ CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG:

- **Số lượng lao động và cơ cấu lao động:**

Tổng số lao động của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2010 là 389 người với cơ cấu như sau:

Bảng 3: Cơ cấu lao động theo trình độ và tính chất công việc.

Phân loại	Số người	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ		
Trên đại học	8	2.1%
Đại học	176	45.2%
Cao đẳng	39	10.0%
Trung cấp. CNKT lành nghề	50	12.9%
Lao động phổ thông	116	29.8%
Tổng cộng	389	100.0%
Theo tính chất công việc		
Lao động trực tiếp	329	84.6%
Lao động gián tiếp	60	15.4%
Tổng cộng	389	100.0%

- **Chế độ làm việc:**

- Công ty thực hiện chế độ 44 giờ/tuần, 8 giờ/ngày. Người lao động được nghỉ các ngày lễ theo quy định hiện hành. Ngoài thời gian trên, nếu có công việc phải thực hiện theo yêu cầu của người ủy thác dịch vụ, hay để phù hợp với lịch tàu, kế hoạch làm hàng... thì phụ trách các bộ phận phải bố trí sắp xếp những người có liên quan tiếp tục thực hiện công việc trong phạm vi cần thiết. Người lao động làm thêm giờ được bố trí nghỉ bù vào những ngày khác trong tuần, tuy nhiên thời gian làm thêm giờ không được vượt mức quy định tại điều 69, Bộ Luật lao động.

- Người lao động có 12 tháng làm việc trở lên tại Công ty được nghỉ phép hàng năm và hưởng nguyên lương 12 ngày làm việc. Mỗi 5 năm làm việc, nhân viên sẽ được nghỉ thêm 1 ngày.

- Công ty và người lao động có nghĩa vụ đóng BHXH, BHYT, BHTN theo quy định hiện hành. Các chế độ thanh toán trợ cấp ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thôi việc,... được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.



- Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện nội quy an toàn vệ sinh lao động, đảm bảo các điều kiện lao động phù hợp với sức khỏe của người lao động.

• **Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:**

- Để lương, thưởng thực sự là đòn bẩy khuyến khích Cán bộ CNV tích cực, sáng tạo trong lao động nhằm đem lại hiệu quả cao, Công ty xây dựng hệ số trả lương, thưởng cho mỗi chức danh công việc trên cơ sở tham khảo hệ thống thang bảng lương của Doanh nghiệp Nhà nước, một số doanh nghiệp cùng ngành nghề, trong đó quan tâm đãi ngộ đội ngũ cán bộ quản lý điều hành doanh nghiệp, cán bộ CNV có năng lực sales giỏi và những người đã cống hiến nhiều cho Công ty.

- Công ty quan tâm nâng cao đời sống CBCNV với mức thu nhập năm sau luôn luôn cao hơn năm trước. Chính sách thưởng các đơn vị có lợi nhuận cao nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo trong toàn Công ty.

- Đối với khâu kinh doanh then chốt (như bộ phận sales) thực hiện khoán doanh thu, lợi nhuận có thưởng theo lũy tiến nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh, đem lại hiệu quả cao.

- Ngoài việc đãi ngộ tiền lương, thưởng Công ty còn thưởng chuyến du lịch nước ngoài cho những cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đồng thời xét bổ nhiệm vào vị trí phù hợp để được hưởng mức thu nhập cao hơn.

7.7. THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Không có





Phần VIII

Thông tin cổ đông và Quản trị Công ty



Giá trị dịch vụ đích thực !



SOTRANS

We make it simple !

8.1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT:

8.1.1. Hội đồng quản trị:

1. Hoàng Quyến	Chủ tịch HĐQT.
2. Đoàn Thị Đông	Phó chủ tịch HĐQT.
3. Trần Huy Hiền	Ủy viên HĐQT.
4. Tô Hải	Ủy viên HĐQT.
5. Nguyễn Thế Vinh	Ủy viên HĐQT.

8.1.2. Ban Kiểm soát:

1. Phan Đình Bội	Trưởng Ban KS.
2. Trần Văn Đức	Ủy viên Ban KS.
3. Võ Sáng Xuân Vinh	Ủy viên Ban KS.

Tóm tắt lý lịch:

- **Ông Hoàng Quyến – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Kho vận Miền Nam.**

(Xem chi tiết phần Ban điều hành)

- **Bà Đoàn Thị Đông – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Kho vận Miền Nam.**

(Xem chi tiết phần Ban điều hành)

- **Ông Trần Huy Hiền – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Kho vận Miền Nam.**

(Xem chi tiết phần Ban điều hành)

- **Ông Tô Hải - Thành viên hội đồng Quản trị Công ty CP Kho vận Miền Nam.**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/12/1973
- Nơi sinh: Thái Bình
- Số CMND: 022977047
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: 21B/3 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Quận 1, TP. HCM
- Số Điện thoại liên lạc: 3914 3588
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính Ngân hàng
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1997 - 2000: Cán bộ dự án – Công ty viễn thông liên tỉnh, Tổng công ty Bưu chính Viễn Thông Việt Nam.

- Từ năm 2001-2002: Chuyên viên phân tích – Công ty chứng khoán Bảo Việt.
- Từ 2002-2003: Trưởng phòng Tư vấn – Công ty Chứng khoán Đông Á.
- Từ 2003-2007: Giám đốc Chi nhánh – Công ty Chứng Khoán Bảo Việt.
- Từ T10/2007 đến nay: Tổng giám đốc – Công ty Chứng khoán Bản Việt.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị .
- **Ông Nguyễn Thế Vinh – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Kho Vận Miền Nam.**
 - Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 20/5/1976
 - Nơi sinh: TP.HCM
 - Số CMND: 022974097
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: TP.HCM
 - Địa chỉ thường trú: 60/7I Tổ 20, KP4, P. Tân Hưng Thuận, Quận 7, TP. HCM
 - Số điện thoại liên lạc: 0907 909 966
 - Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
 - Quá trình công tác:
 - Từ Tháng 7/1997 đến tháng 8/2006: Trưởng phòng – Sở giao dịch Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín.
 - Từ tháng 8/2006 đến nay: Tổng giám đốc công ty Quản lý & Khai thác tài sản Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín.
 - Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị.
- **Ông Phan Đình Bội – Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty CP Kho vận Miền Nam.**
 - Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 17/07/1951
 - Nơi sinh: Hà Bắc
 - Số CMND: 022052470
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Hà Bắc
 - Địa chỉ thường trú: 269/5 Xô viết Nghệ Tĩnh. P. 24, Quận Bình Thạnh, TP. HCM.
 - Số Điện thoại liên lạc: 3826 6594 (109)



- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Đại học kinh tế chuyên ngành Kế hoạch hóa Kinh tế quốc dân.
- Quá trình công tác:
 - Từ 04/1972 đến 07/1981: Bộ đội lái xe tải binh trạm 21 Cục Vận tải.
 - Từ 08/1981 đến 12/2006: Công tác tại Công ty Kho Vận Miền Nam với các chức vụ:
 - Lái xe tải, kỹ thuật viên, đội phó đội xe.
 - Chuyên viên Kế hoạch nghiệp vụ.
 - Từ 01/2007 đến nay: Trưởng ban kiểm soát kiêm Chuyên viên Kế hoạch Nghiệp vụ Công ty CP Kho Vận Miền Nam.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Trưởng ban Kiểm soát kiêm Chuyên viên Kế hoạch Nghiệp vụ.
- **Ông Trần Văn Đức - Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty CP Kho vận Miền Nam.**
 - Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 13/04/1963
 - Nơi sinh: TP.HCM
 - Số CMND: 023913521
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Nam Định
 - Địa chỉ thường trú: 93/17 XVNT, P17, Quận Bình Thạnh, TP.HCM.
 - Số Điện thoại liên lạc: 3731 0033
 - Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế chuyên ngành Kế toán kiểm toán,
Đại học Kinh tế chuyên ngành Kinh tế Thương Nghiệp.
 - Quá trình công tác:
 - Từ 01-1982 đến 12-2006: Công tác tại Công ty Kho Vận Miền Nam với các chức vụ:
 - Kế toán viên, Tổ trưởng Kế toán.
 - Trưởng phòng Kế toán Xí nghiệp Đại lý Giao nhận Vận tải Quốc tế.
 - Từ 01/2007 đến nay: Trưởng phòng Kế toán Xí nghiệp Đại lý Giao nhận Vận tải Quốc tế thuộc Công ty CP Kho Vận Miền Nam, Trưởng phòng kế toán Cảng kho vận – Sotrans ICD
 - Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban Kiểm Soát kiêm Trưởng phòng kế toán Cảng kho vận – Sotrans ICD.



• **Ông Võ Sáng Xuân Vinh - Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty CP Kho vận Miền Nam**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 28/10/1972
- Nơi sinh: TP.HCM
- CMND số: 022728615
- Cấp ngày: 24/7/2003 Tại: TPHCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Vĩnh Long
- Địa chỉ thường trú: 17 Thảo Điền, Phường Thảo Điền, Quận 2, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc: 3820 2131
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Quản Trị Kinh Doanh (MBA) chuyên ngành Tài Chính (Anh Quốc), Văn bằng CFA (Mỹ).
- Quá trình công tác:
 - Từ 4/1998 – 11/2001: Phó Phòng Thẩm Định Quỹ Đầu tư Phát triển Đô Thị TP. Hồ Chí Minh (HIFU).
 - Từ 11/2001 – 7/2003: Cán bộ đầu tư Mekong Capital.
 - Từ 7/2003-7/2005: Phó Giám Đốc Công Ty TNHH Tư Vấn và Phát Triển Công Kỹ Nghệ ECO.
 - Từ 7/2005 – 4/2007: Giám đốc Đầu tư VPĐD Thường trú Aureos Philippine Adviser, Inc.
 - Từ 5/2007 – 12/2007: Trưởng Đại diện VPĐD Thường trú Aureos Philippine Adviser, Inc.
 - Từ 01/2008 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Sài Gòn (Saigon Capital).
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban Kiểm Soát.



8.1.3. Tỷ lệ nắm giữ cổ phần:

STT	Họ và Tên	Chức danh	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ
1.	Hoàng Quyến	Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám Đốc	2,449,639	29.33%
	- Đại diện SCIC:		2,440,372	29.22%
	- Cá nhân:		9,267	0.11%
2.	Trần Huy Hiền	Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám Đốc	1,559,463	18.67%
	- Đại diện SCIC:		1,545,570	18.51%
	- Cá nhân:		13,893	0.17%
3.	Đoàn Thị Đông	P. Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám Đốc	7,194	0.09%
4.	Tô Hải	Thành viên Hội đồng Quản trị	831,386	9.95%
	- Đại diện công ty cổ phần chứng khoán Bản Việt		831.386	9.95%
5.	Nguyễn Thế Vinh	Thành viên Hội đồng Quản trị	1,691,339	20.25%
	- Đại diện Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín		918.720	11.00%
	- Đại diện công ty CP đầu tư Sài Gòn Thương Tín		772.619	9.25 %
6.	Trần Mạnh Đức	Phó Tổng Giám Đốc	4,561	0.05%
7.	Trương Văn Thuận	Kế toán trưởng	812	0.01%
8.	Phan Đình Bội	Trưởng Ban kiểm soát	5,000	0.06%
9.	Trần Văn Đức	Thành viên Ban kiểm soát	6,475	0.08%
10.	Võ Sáng Xuân Vinh	Thành viên Ban kiểm soát	2,807	0.03%
	Tổng cộng:		6,581,024	78.80%

8.2. CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG:

8.2.1. Cơ cấu vốn cổ đông:

Danh mục	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài			Tổng		
	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
I. Tổng số vốn chủ sở hữu	8,351,857	83,518,570	100%				8,351,857	83,518,570	100.0%
1. Cổ đông Nhà nước	3,985,942	39,859,420	47.7%				3,985,942	39,859,420	47.7%
2. Cổ đông đặc biệt	2,572,734	25,727,340	30.8%				2,572,734	25,727,340	30.8%
- Hội đồng quản trị	2,553,079	25,530,790					2,553,079	25,530,790	30.6%
- Ban Tổng Giám đốc (*)	4,561	45,610					4,561	45,610	0.1%
- Ban kiểm soát	14,282	142,820					14,282	142,820	0.2%
- Kế Toán Trưởng	812	8,120					812	8,120	0.0%
3. Cổ đông trong công ty:	761,921	7,619,210	9.1%				761,921	7,619,210	9.1%
- Cán bộ công nhân viên(**)	761,921	7,619,210					761,921	7,619,210	9.1%
4. Cổ đông ngoài công ty	1,031,260	10,312,600	12.3%				1,031,260	10,312,600	12.3%
- Cá nhân	1,031,260	10,312,600					1,031,260	10,312,600	12.3%
- Tổ chức									0.0%
II. Cổ phiếu quỹ			0%						

Ghi chú:

(*): không bao gồm cổ đông là thành viên HĐQT.

(**): Cổ Đông là CBNV không bao gồm các cổ đông là thành viên HĐQT, BTGD, BKS và KTT.

8.1.3. Cơ cấu tỷ lệ sở hữu:

Danh mục	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài			Tổng		
	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Tổng số vốn chủ sở hữu	8,351,857	83,518,570	100%				8,351,857	83,518,570	100%
Cổ đông sáng lập	3,996,703	39,967,030	47.85%				3,996,703	39,967,030	47.85%
Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	2,522,725	25,227,250	30.21%				2,522,725	25,227,250	30.21%
Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	20,977	209,770	0.25%				20,977	209,770	0.25%
Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết	1,811,452	18,114,520	21.69%				1,811,452	18,114,520	21.69%



Cung cấp giải pháp kho đa chức năng!



SOTRANS

We make it simple!

